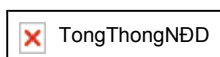


Phạm Phong Dinh

**Tổng Thống NGÔ ĐÌNH DIỆM, Kẻ Sĩ Cuối
Cùng**



(2.11.1963 – 2.11.2006)

Tôi tiến, hãy theo tôi;

tôi lùi, hãy bắn tôi;

tôi chết, hãy trả thù cho tôi.

Tôi không phải là thần thánh,

tôi chỉ là một người bình thường,

tôi chỉ biết thức khuya, dậy sớm làm việc,

một lòng hiến dâng đời tôi cho đất nước và dân tộc.

Ngô Đình Diệm

Đó là những lời tâm huyết, mà cũng là những lời trời trần đầy máu và lệ của một chiến sĩ quốc gia của : Tổng Thống Ngô Đình Diệm, còn để lại cho những thế hệ đời sau, trước khi người từ già đồng bào đi về phía Cõi Vĩnh Hằng. Mỗi năm đến ngày 1.11 cái chết của người vẫn như một vết thương còn nung mủ, lại vỡ toác ra trong trái tim ứa máu của mỗi chúng ta nỗi ngậm ngùi tiếc thương. Hình ảnh Tổng Thống Diệm mặt đầm đầy máu, vì bị bắn từ phía sau ót, hai tay bị trời quật về phía sau, nằm co người trong lòng chiếc thiết vận xa M113 oan nghiệt, vẫn luôn là một cơn ác mộng chập chờn hiện về trong cõi ký ức của những người còn nhớ đến ông, tri ân ông như là một anh hùng dân tộc, mà đã dẹp tan loạn sứ quân Miền Nam sau lần chia cắt đất nước tháng 7.1954, trần ai khổ ải giành lại

độc lập cho đồng bào ông từ tay thực dân Pháp. Chỉ với hai bàn tay trắng cùng một tấm lòng son sắt, ông đã tổng khừ được đạo quân viễn chinh 150,000 quân Pháp vĩnh viễn ra khỏi Việt Nam. Trên hết tất cả, là một con người phi thường đứng mũi chịu sào ngăn chống hai mặt trận lớn : sự kiêu ngạo ngu xuẩn của bạn đồng minh và sự hung hãn khát máu của giặc cộng sản.

Tổng Thống Diệm có gì trong tay để đối đầu với hai chiến trường nặng độ đó ? Ngay cả lực lượng bảo vệ trong những năm đầu làm tổng thống của ông cũng không có, đến nỗi tổng thống Phi Luật Tân Magsaysay phải gửi chuyên viên quân sự sang giúp thành lập và huấn luyện Tiểu Đoàn Phòng Vệ Phủ Tổng Thống hỗ trợ cho người bạn cô đơn của mình. Một căn phòng làm việc nhỏ với một chiếc bàn gỗ cũ, vài cái ghế nghèo nàn để tiếp khách, một chiếc phản không nệm cùng một chiếc mùng nhỏ trong một căn phòng ngủ không có máy lạnh, chỉ có một chiếc quạt trần. Còn gì nữa cho những giờ phút thư thả sau một ngày làm việc căng thẳng. Trời ơi, chỉ có một gói thuốc lá đen hiệu Bastos rẻ tiền trong chiếc túi áo vải đã sờn. Ăn uống thì kham khổ như một nhà tu, buổi sáng chỉ là một tô hủ tiếu hay mì, buổi ăn chiều chỉ gồm có một đĩa cá kho và một tô canh rau hay đậu. Thế còn những giấc ngủ hằng đêm đã được người thu xếp như thế nào ? Người đi ngủ, thường thường lúc 1 giờ khuya và thức dậy lúc 5 giờ sáng ngày hôm sau, nghĩa là chỉ có 4 tiếng đồng hồ chợp mắt, mà chưa hẳn ông đã được ngủ ngon trong bối cảnh một quốc gia hãy còn quá nhiều công việc bẻ bộn, mà cái nào cũng hết sức cấp bách. Kết quả của sự hy sinh và đức tính khiêm cung cần kiệm ấy ? Hàng ngàn trường học, nhà thương trên khắp nẻo đường đất nước được xây dựng, hàng ngàn đền miếu, chùa chiền, nhà thờ, thánh thất hân hoan vươn mình lên phía trời xanh, hàng triệu mẫu ruộng phơi phới màu xanh của lúa, hàng triệu đồng bào di cư từ Miền Bắc có công ăn việc làm và đang tiến đến lần ranh của sự giàu có thịnh vượng. Người đã xây dựng những quân trường tối tân nhất Đông Nam Á để đào tạo nhân tài lãnh đạo và bảo vệ nước Nam, nền kỹ nghệ được mở mang với những ống khói của hàng hàng lớp lớp nhà máy cuộn cuộn những khói mây đen tỏa rộng lên không gian, vực dậy sức sống của một đất nước

nghèo nàn sau cơn chiến tranh.

Còn nhiều nữa những kỳ công của một con người khiêm tốn tự nhận mình là bình thường không thể kể ra hết, để đem nước Việt Nam Cộng Hòa ngẩng cao đầu trên trường thế giới, trở thành một quốc gia hùng mạnh nhất Đông Nam Á thập niên 1950 – 1960. Tất cả những công lao to lớn ấy đã rất hiếm khi được một nhà viết sử thế giới phương Tây và Hoa Kỳ nào liệt kê ra để vinh danh Tổng Thống Diệm. Trái lại, những kẻ gọi là những nhà viết sử vô tư và khách quan đó, đã tỉ mỉ dùng kính khuếch đại rọi vào từng góc ngách khiếm khuyết của một chính quyền non trẻ thiếu thôn nhân lực, kinh nghiệm và cực nghèo nàn, hả hê một cách độc ác trung lên từng trang sách những : “sự thật” về một chính thể “độc tài”, một chính quyền “tham nhũng”, một bộ máy “thối nát”, để che dấu và biện minh cho sự bất lực, hèn nhát, ngu dốt, đê mê, sát nhân và cuối cùng là sự tháo chạy của một cường quốc kiêu ngạo.

Tất cả những sự thất bại trên đất nước Việt Nam đều được tàn nhẫn trút lên đầu quân và dân Việt Nam Cộng Hòa, biểu lộ cái hèn của một gã người lớn ăn trộm bị bắt quả tang nhưng cãi chày cãi cối đổ tội cho một đứa trẻ đói khát đang đứng bơ vơ bên đường. Đó là cung cách viết sử của thế giới phương Tây và Hoa Kỳ, ngoại trừ một vài tiếng vang vọng lương tâm của những tác phẩm và con người còn biết tôn trọng lẽ phải cùng sự thật, nhưng hãy còn quá ít. Đối với bạn thì độc ác như thế, còn đối với thù thì sao ? Để biện minh cho sự thất bại của mình, những nhà viết sử Pháp và Mỹ đã phải cực lực nâng đối thủ lên hàng siêu đẳng và huyền thoại. Rằng tướng A, tướng B đó chúng nó quá giỏi, rằng ông già râu đó là một trong 100 khuôn mặt lớn của thế giới, chúng tôi thua là phải, cái thua của chúng tôi là vô cùng... xứng đáng ! Nhưng họ không hề bao giờ viết lại cho hậu thế cùng biết rằng, gã râu xồm ấy, cũng những tướng A, tướng B đó của kẻ thù, đã từng nhiều lần là bại tướng nhục nhã dưới tay những tướng C, tướng D của một đất nước có tên là Việt Nam Cộng Hòa và một quân đội có tên là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Những cuốn sử đầy thành kiến và thiên lệch đó vẽ ra hình ảnh một ông vua ngồi ngất ngưỡng trên ngai vàng, thỏa mãn với sự tung hô cúc cung tận tụy của bọn nịnh thần vô lại,

phẩy tay một cái là bắt nhốt người này, bỏ tù người kia. Nhưng trong thực tế, Tổng Thống Diệm là một con người siêng năng, ông thường ít ngồi trong văn phòng làm việc, mà rất thường xuyên đi thăm hỏi dân tình trên khắp nẻo đường đất nước. Rất hiếm một cuốn sách nào kể lại sự việc người thanh niên tên Hà Văn Trí đã dùng súng ám sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm, khi ông lên kinh lý Ban Mê Thuột trong năm 1961. Thật may mắn, viên đạn chỉ bắn bị thương một vị bộ trưởng tháp tùng. Với cái tội tày trời đó, anh Trí chỉ phải ngồi tù có 2 năm rồi được phóng thích. Chúng ta thách các nhà viết sử Mỹ nào tìm được một sự kiện tương tự với một bản án khá hơn ở bất cứ quốc gia nào. Hay ít cuốn sách nào tiết lộ việc Tổng Thống Diệm dùng ngân quỹ nghèo nàn của quốc gia, hoan hỉ giúp xây dựng nên những ngôi chùa bẽ thế, uy nghi Xá Lợi, Vĩnh Nghiêm, Ấn Quang, Viện Hóa Đạo, thánh thất Cao Đài, v.v.. từ năm 1956 trở đi.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm sinh ngày 3.1.1901 ở làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ông là người con thứ ba trong một gia đình quý tộc nề nếp, nhiều đời làm quan trong triều đình nhà Nguyễn, và trong giòng họ theo đạo Công giáo từ đầu thế kỷ thứ 17. Ông có hai người anh là Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Thục, các em trai là Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Luyện và hai em gái. Không ít người mang họ Ngô đã là những thánh tử đạo trong những cuộc bách hại người theo đạo Kitô của triều đình nhà Nguyễn, nhất là dưới thời vua Minh Mạng. Theo tài liệu của các sử gia Mỹ, ông James S. Olson và Randy Roberts trong quyển *Where The Domino Fell*, thì giòng họ Ngô là hậu duệ của Ngô Quyền, người anh hùng Nước Nam đã kiêu dũng giành lại được nền độc lập cho dân tộc Việt Nam năm 939 từ xâm lược Bắc phương. Có phải chăng giòng máu anh hùng ấy sau một ngàn năm chảy luân lưu trong nhiều thế hệ, định mệnh đã chọn cậu bé Ngô Đình Diệm tiếp nối con đường dựng nước và giữ nước của cha ông, là giành lại độc lập từ xâm lược Bắc phương và Tây phương. Một công việc cao cả nhưng nặng oằn như núi Thái Sơn chất chồng trên vai, đòi hỏi con người ấy phải là một con người kiệt xuất có ý chí bằng thép và trái tim yêu nước nồng nàn.

Thân phụ của ông Ngô Đình Diệm là cụ Ngô Đình Khả, làm quan triều vua Thành Thái (1889 – 1907). Trong những năm 1880, cụ Khả được gia đình gởi sang Mã Lai Á học làm linh mục. Nhưng ở quê nhà đã xảy ra một cuộc náo loạn bách hại người Công giáo của những người theo đạo giáo khác, gia đình cụ Khả gần như bị tuyệt diệt. Được tin chẳng lành cụ Khả bỏ học trở về Việt Nam, để chịu ngậm ngùi đau xót trước cái chết bi thảm của ông bà, cha mẹ, anh chị em, chú bác cùng thân nhân. Là một thanh niên có học thức, nói tiếng Pháp lưu loát, nên chẳng mấy chốc mà cụ Khả đã rất thành công trong chốn quan trường, dần dần được thăng lên đến chức Phụ Chính Đại Thần trong triều đình Huế. Người vợ lớn cụ Khả mất sớm, bà cụ Khả là người vợ sau sinh cho ông chín người con, trong đó có bảy trai. Cụ Khả đã khẳng khái phản đối thực dân Pháp bắt vua Thành Thái đi đày ở đảo Reunion, sau sự thất bại của cuộc binh biến Thành Mang Cá Huế năm 1885, và đã cởi áo từ quan. Để ngăn chặn hành động trung quân ấy, trong dân gian truyền tụng câu về *Đày Vua Không Khả, Đào Mả Không Bài*. Thượng Thư Bộ Lại, ông Nguyễn Hữu Bài, bạn đồng liêu thân thiết với cụ Khả và gia đình nhà Ngô cũng đã đi vào lịch sử với hành động phản kháng thực dân Pháp hỗn láo muốn xúc phạm đến lăng tẩm nhà Nguyễn.

Lớn lên trong một gia đình thuần thành, ngoan đạo dựa trên nền tảng đức tin tuyệt đối cùng hạnh phúc ái vị tha, được cụ thân sinh hun đúc cho một nền học vấn dựa trên những nguyên tắc sĩ khí của Khổng giáo, Tam Cương, Ngũ Thường, Trung Quân và Ái Quốc cậu bé Ngô Đình Diệm đã sớm tỏ ra là một nhân vật lạ thường so với những đứa trẻ cùng hạng tuổi. Trong lúc bọn trẻ tụ tập chơi đùa ngoài đường phố, thì cậu bé Diệm chỉ mải mê với sách vở, bởi cậu muốn khám phá thế giới kỳ diệu của văn chương, triết học và tôn giáo. Tuy sinh trưởng trong một gia đình quyền quý, nhưng người trai trẻ Ngô Đình Diệm luôn yêu mến giới cần lao chân lấm tay bùn. Có nhiều dịp gần gũi với lớp người này, trong đầu cậu bé đã hình thành một khái niệm về nỗi khổ của giới cần lao và cái nhục của những người mất nước :*Làm sao nâng đỡ họ, tạo cho họ một đời sống xứng đáng, tự do hơn*. Đó là cái nền tảng thúc đẩy cậu bé Diệm trở thành một con người dẫn thân làm cách mạng tranh đấu

giành độc lập cho xứ sở, kiến tạo một xã hội thịnh vượng cho dân tộc của cậu.

Đến tuổi đi học, cậu Diệm được cụ Khả cho vào Trường Quốc Học Huế. Trong thời gian này, cậu học trò nhỏ ấy có dịp quen biết với một người học trò lớn hơn cậu đến mười tuổi, là cậu Nguyễn Sinh Cung, sau này đã đổi tên thành Hồ Chí Minh. Định mệnh đã khiến xui hai đối thủ chính trị gặp gỡ sớm, người này biết rõ cá tính người kia và cùng kính trọng lẫn nhau, đấu quan niệm và phương cách đấu tranh khác biệt. Là một con người ngỗ ngáo, quỉ quyết và hung tợn, Hồ đã từng giết anh cả ông Diệm là Ngô Đình Khôi, sát hại Huỳnh Giáo Chủ của Phật Giáo Hòa Hảo, nhiều chí sĩ khác như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, diêm chỉ cụ Phan Bội Châu cho Pháp bắt. Nhưng khi ông Diệm bị quân Việt Minh bắt giao nộp cho Hồ trong năm 1946, thì Hồ đã không dám sát hại ông, chỉ giam lỏng. Thật may mắn, ông Diệm đã tìm cách trốn thoát được. Hồ Chí Minh không làm gì được ông Diệm, vì hắn vừa mới ký xong Hiệp Định Sơ Bộ ngày 6.3.1946, trong đó có điều khoản bảo vệ người quốc gia do phía Pháp đưa ra. Chẳng những thế mà vài thập niên sau, nhận thấy mình thua kém xa người bạn trường cũ về đạo đức, tác phong, cuộc sống thánh thiện không chút tì vết, Hồ đã viết sách “Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện” ca ngợi nâng bi lấy bản thân với bút hiệu Trần Dân Tiên, cho bọn văn nô đàn em thổi phồng Hồ lên ngang tầm với ông Diệm về mọi mặt. Ông Diệm sống cuộc đời độc thân, thì Hồ cũng xê li ba te (celibataire, không có vợ) hách xì xằng như ai. Ông Diệm hút thuốc Bastos, thì Hồ cũng ti toe hút thuốc thơm đầu lọc, có lẽ hút thuốc lá đen khét quá chịu không thấu. Cụ Diệm sống trong một căn phòng nhỏ đơn sơ, thì Hồ cũng cho thợ mộc cất cho Hồ một căn nhà toàn gỗ quý chở từ miền rừng thượng du về, chứ không chịu ở trong dinh Toàn Quyền cũ.

Năm 15 tuổi cậu Diệm có ý định theo ngành linh mục, nhưng ông anh là Ngô Đình Thục đã khuyên ngăn cậu, rằng cậu không thích hợp với công việc này, ông nhìn thấy trước một cái gì đó lớn lao cao cả hơn ngoài trần thế đang chờ đợi cậu em. Con người thích hợp với việc đạo, chẵn dất con chiên chính là ông Thục, chứ không

ai khác trong gia đình. Cậu Diệm nghe lời anh, nhưng thề hiến dâng linh hồn cho Chúa Trời, bằng cách nguyện sống đời độc thân vĩnh viễn. Năm 16 tuổi cậu Diệm tốt nghiệp Cao Đẳng Tiểu Học (tương đương bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp) và trúng tuyển vào Trường Hậu Bô Quốc Gia Huế (tương tự Cao Đẳng Quốc Gia Hành Chánh sau này). Khi nghe tin chàng thanh niên Ngô Đình Diệm đang học trong trường nhà nước, Hồ ở Pháp xôn xang sốt ruột quá, bèn gửi đơn xin triều đình Pháp cho Hồ vào trường Thuộc Địa Pháp, nhưng không được chấp thuận. Người Pháp đã bỏ lỡ một cơ hội đào tạo một loại hàng thần mẫn cán như Hoàng Cao Khải, Trương Quang Ngọc, Huỳnh Công Tấn, lẽ ra đã có thể tránh được trận Điện Biên Phủ năm 1954, nếu Hồ đã nghiêm nhiên trở thành công bộc cúc cung phục vụ quyền lợi mẫu quốc Pháp.

Nhưng với chàng thanh niên trẻ Ngô Đình Diệm thì không, người không đời nào chịu lòn cúi thực dân Pháp, dù cho chúng có đem danh lợi và quyền lực làm mồi nhử. Sau khi ra trường, chỉ mới hai mươi tuổi, chàng đã được bổ làm Tri Huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, thăng Tri Phủ năm 1932, rồi Tuần Vũ Bình Thuận. Người Pháp bắt đầu chú ý đến cái tên Ngô Đình Diệm, khi trong năm 1929, ông đã phá tan được một âm mưu khởi loạn của cộng sản. Năm 1933, chỉ mới có 32 tuổi, ông Diệm đã được vua Bảo Đại (1925 – 1945) tín nhiệm cất nhắc lên làm Thượng Thư Bộ Lại, một chức vụ tương đương Thủ Tướng sau này, kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Thanh Tra, đặc cách toàn quyền thanh trừng bọn tham quan ô lại những nhiều dân chúng. Với mối liên hệ này, hai mươi năm sau, trong cương vị Quốc Trưởng, ông Bảo Đại vẫn tín nhiệm ông Diệm trong chức vụ Thủ Tướng của một nước Việt Nam độc lập sau Hiệp Định Geneva (tiếng Pháp là Genève) ký hiệu lực ngày 20.7.1954. Đến đây, với chức Thượng Thư Bộ Lại, nếu ở vị trí những con người khác thì đã lên đến tột đỉnh công danh rồi, nhưng cái bả vinh hoa phù phiếm ấy không làm cho người xao nhãng một chút nào cái nhục vong quốc. Người lấy chức vụ của mình làm phương tiện cho công cuộc cách mạng. Với dân, vị thượng thư trẻ luôn luôn đi sát họ, tìm hiểu để cảm thông nguyện vọng và nỗi cơ khổ của từng lớp người để tìm biện pháp che chở và đem lại quyền lợi cho họ. Bởi thế, người dân

Bình Thuận đã dựng bia kỷ niệm để tri ân công đức vị Tuần Vũ họ Ngô, như đã tôn thờ các vị thần hay những anh hùng cứu quốc khác.

Với thực dân Pháp, trước chính sách ngu dân của chúng, vị thượng thư trẻ tích cực đề nghị nhiều cải tổ như tổ chức Viện Dân Biểu, để người hiền tài trong quần chúng có thể tham gia vào chính quyền, lập hiến pháp để mở đường giải thoát đất nước, yêu cầu nhà nước Pháp giảm sưu thuế. Dĩ nhiên những đề nghị táo bạo ấy đều bị người Pháp gạt bỏ. Nhận thấy người Pháp không thực tâm trao trả độc lập cho người Việt Nam, vua Bảo Đại cô đơn và bất lực không xoay chuyển được tình thế, ông Diệm cởi áo từ quan, như là một hình thức phản đối và cảnh cáo người Pháp biết rằng, một nhà nho nặng lòng với quốc gia như ông, không bao giờ có thể chịu nhục vào lòn ra cúi người Pháp. Ra đi không có nghĩa là bỏ cuộc, mà có một ngày ông sẽ trở lại trong tư thế đối đầu trực tiếp với người Pháp.

Nuôi chí phục quốc đánh đuổi người Pháp, trở về Huế, người chí sĩ trẻ tuổi ấy sống một cuộc đời thanh bạch. Ông luôn tìm mọi cơ hội tiếp xúc với những nhà chí sĩ yêu nước khác như cụ Huỳnh Thúc Kháng, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, cụ Phan Bội Châu,... để trao đổi chính kiến và cùng tìm một con đường ngắn nhất giải phóng đất nước. Nhận thấy ông Diệm là một con người cách mạng nguy hiểm, là kẻ thù lợi hại, người Pháp từ năm 1944 đã có những kế hoạch bắt giữ ông. Toàn quyền Decoux lệnh cho mật thám vây bắt ông Diệm, cuộc săn đuổi ráo riết diễn ra trên những vùng đất từ Thanh Hóa, Nghệ An kéo dài vào đến Quảng Nam, Quảng Ngãi. Có điều trớ trêu là, ông Diệm không rơi vào tay quân Pháp mà lại sa vào nhà tù của Việt Minh tháng 2.1946. Ông được đưa đến gặp Hồ Chí Minh, lúc này đã là chủ tịch kháng chiến. Hồ ngỏ mật khuyến dụ nhà chí sĩ tham gia chính quyền và nhận chức Bộ Trưởng Nội Vụ, đồng thời chia bản văn Hiệp Định Sơ Bộ dự định ký với triều đình Pháp để hợp thức hóa cho quân Pháp trở lại Đông Dương. Dĩ nhiên ông Diệm đủ tài ba và thông minh để không lọt vào cái bẫy của Hồ. Hồ chỉ muốn lợi dụng uy tín của ông Diệm để cùng chia sẻ trách nhiệm trước lịch sử sau này, về cái tội rước Pháp

trở lại Việt Nam. Mỗi thù giết người anh cả vẫn còn canh cánh bên lòng, ông Diệm đã từng thề rằng trong cuộc đời mình, ông không bao giờ tha thứ và hợp tác với hai kẻ thù : cộng sản và thực dân Pháp. Năm 1945, Việt Minh đã chôn sống quan tuần phủ Quảng Ngãi Ngô Đình Khôi và người con trai của ông, vì cái “tội” tuyên bố chống cộng đến kỳ cùng.

Chiến tranh Việt – Pháp lan rộng, trong toan tính lợi dụng lực lượng người quốc gia làm vây cánh đánh Việt Minh, Cao Ủy Pháp D’Argenlieu một mặt hứa... cũi với vua Bảo Đại sẽ trao trả độc lập cho Việt Nam, một mặt tìm cách tiếp xúc với ông Ngô Đình Diệm, khẩn khoản mời ông nhận lập chính phủ, nhưng người đã thẳng thắn bác bỏ, vì nhận ra sự giả dối và đều cáng của Pháp. Người ta đã đếm ra được rằng, từ 1946 đến 1954, người Pháp đã hứa và trao trả độc lập giả vờ cho người Việt Nam không dưới, trời đất, hai chục lần. Mùa thu năm 1949, nhà chí sĩ họ Ngô quyết định ra đi thật xa, xuất dương đến những vùng đất khác của thế giới để quan sát sinh hoạt chính trị ở những nơi đó, đồng thời tìm mọi cơ hội tỏ bày nguyện vọng tự do và độc lập thật sự của dân tộc Việt Nam. Ông đã lần lượt đặt chân đến những nước Phi Luật Tân, Nhật, Hoa Kỳ, Canada, Bỉ, Thụy Sĩ,... Nhà chí sĩ đã ngụ cư ở Hoa Kỳ trong khoảng thời gian 3 năm tại tu viện Marykholl, Lakewood, tiểu bang New Jersey. Trong thời gian khói lửa ngút trời ở Việt Nam, người Mỹ đã giúp người Pháp đánh Việt Minh, song song với việc tìm kiếm một người quốc gia chân chính, chống cộng, có khả năng lãnh đạo và đem đến sự ổn định cho nước Việt Nam độc lập.

Ông Diệm thường được nhớ đến như là một chí sĩ, một tổng thống xuất sắc, một nhà nho đầy hào khí, nhưng có một khía cạnh văn chương độc đáo của ông mà hiếm người còn nhớ. Thời đó, nhiều nhà nho Việt Nam làm cách mạng chống Pháp như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đều có để lại cho đời sau những bài thơ biểu lộ ý chí đấu tranh phục quốc, chí sĩ Ngô Đình Diệm cũng có lúc cảm khái sáng tác một bài thơ dạng khẩu khí như sau trong thời gian bước chân ông ghi dấu trên những nẻo đường thế giới :

Nỗi lòng

*Gươm đàn nửa gánh quảy sang sông
Hỏi bến : thuyền không lái cũng không !
Xe muối nặng nề thân vó Ký
Đường mây rộng rãi tiếc chim Hồng
Vá trời lấp biển người đâu tá ?
Bán lợi mua danh chợ vẫn đông !
Lần lửa nắng mưa theo cuộc thế
Cắm sào đợi khách thuở nào trong ?*

Ngô Đình Diệm, 1953

Bài thơ biểu lộ tâm trạng của một người anh hùng đang bôn ba tìm con đường giải phóng dân tộc, chí cả là gươm, thao lược là đàn, con sông rộng ngăn cách là cuộc đấu tranh gian khổ. Trong lúc đất nước ngửa nghiêng, mà người anh hùng ấy vẫn còn bị chôn vùi trong bóng tối, như loài ngựa Ký chỉ được sử dụng để kéo xe muối, thay vì sải vó tung hoành bốn phương, như loài chim Hồng Hộc có đôi cánh cứng mạnh có thể bay vút lên cõi trời cao bao la, nhưng vẫn ngậm ngùi xếp cánh.

Chẳng mấy chốc mà tư cách đạo đức của một con chiên ngoan đạo, tác phong đĩnh đạc của một nhà nho Á Đông, ý chí kiên quyết của một nhà cách mạng và khí tượng dị thường của một con người kiệt liệt, đã được những nhân vật có thể lực nhất thời ấy ở nước Mỹ chú ý như các Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Mike Mansfield, Lyndon Johnson, Hubert Humphrey, giáo sư chính trị học Wesley Fishel, Hồng Y Richard Spellman, chủ tịch tối cao pháp viện William Douglas. Những cái tên này rồi đây sẽ là một cái hạt nhân thúc đẩy việc ủng hộ chí sĩ Ngô Đình Diệm về nước lèo lái Việt Nam và đồng bào ông. Đến như Charles De Gaulle, con người từng bôn ba xứ người tìm cách phục quốc như ông Diệm, dù ở tư thế đối

đầu chính kiến với ông, cũng đã thành thật ca ngợi ông Diệm là một Winston Churchill của Á Đông.

Người Mỹ nhận thấy đã đến lúc họ nên có một vai trò tích cực tại vùng Đông Nam Á để thay thế một nước Pháp đã tàn lụi dần trong cuộc chiến tranh Đông Dương và ở những thuộc địa Trung Đông, Phi châu, nên họ chẳng còn thiết tha đến việc giúp người Pháp đạt được chiến thắng ở Điện Biên Phủ. Người Pháp phải ra đi để nhường sân khấu chính trị lại cho người Mỹ. Không nhận được viện trợ đầy đủ của Hoa Kỳ, quân Pháp đành cam chiến bại tại chiến trường này, đánh dấu chấm hết một thế kỷ đô hộ Việt Nam, bằng Hiệp Định Đình Chiến Geneva có hiệu lực từ ngày 20.7.1954, trong đó quy định những điều khoản quan trọng:

- 1./ Nước Việt Nam tạm thời phân đôi ở vĩ tuyến thứ 17, lấy sông Bến Hải làm ranh giới.
- 2./ Trong năm 1956 sẽ tổ chức cuộc tổng tuyển cử tự do giữa hai miền dưới sự giám sát của quốc tế.
- 3./ Trong vòng 300 ngày, dân chúng và quân đội hai miền Bắc – Nam được tự do chọn lựa vùng đất sinh sống.

Trong bối cảnh cuộc chiến tranh cộng sản và Pháp đang đi dần đến giai đoạn quyết định, vua Bảo Đại được sự hứa hẹn của người Pháp về một nền độc lập thật sự cho Việt Nam, với điều kiện vẫn phải ở trong Khối Liên Hiệp Pháp, đã nghĩ đến việc mời một người bạn cũ có đầy đủ mọi tiêu chuẩn của một nhà lãnh đạo tài ba ra lập chính phủ, là ông Ngô Đình Diệm. Người Pháp không mạn mà với ý tưởng ấy, nhưng buộc phải nhượng bộ vua Bảo Đại, vì người Mỹ đã tỏ rõ ý định ủng hộ ông Diệm. Trong thời điểm hỗn mang u ám đó, dân chúng cũng không còn tin tưởng vào một nhân vật nào nữa, khi mà nhiều chính phủ thân Pháp, thân Nhật đều ngã đổ nhanh chóng, từ học giả Trần Trọng Kim đến Nguyễn Văn Xuân. Với lòng yêu nước và trái tim quả cảm, chí sĩ Ngô Đình Diệm bằng lòng đứng ra lèo lái con thuyền quốc gia. Giờ đây con ngựa Ký đã có thể cất vó, con chim Hồng đã có thể tung cánh làm chuyện lấp biển vá trời. Ngày 7.7.1954, sau khi từ nước Mỹ trở về Việt Nam, với chức vụ Thủ Tướng do vua Bảo Đại bổ nhiệm, ông Diệm chính thức trình diện trước quốc dân đồng bào bản thân ông và thành

phần nội các gồm 15 vị bộ trưởng. Công việc đầu tiên của người thủ tướng trẻ là lệnh cho Ngoại Trưởng Trần Văn Đỗ không đặt viết ký bất kỳ văn kiện nào trong nghị hội Geneva, để không bị ràng buộc bất cứ điều gì với cộng sản và Pháp. Tuy nhiên sau khi Hiệp Định đã được ký rồi, thì chính phủ Ngô Đình Diệm, dưới sức ép của Hoa Kỳ, đã công nhận một số điều khoản, như cho phép bộ đội Việt Minh ở Miền Nam được tập kết ra Bắc và nhận vào Nam vô giới hạn đồng bào Miền Bắc muốn sinh sống tại miền tự do. Kết quả, có 800 ngàn người dân Miền Bắc đã được tàu biển và máy bay của Pháp, Mỹ vận chuyển vào Nam cùng với 300 ngàn binh sĩ và gia đình thuộc Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

Chỉ mới nhận nhiệm sở có vỏn vẹn 13 ngày, Thủ Tướng Diệm cùng các cộng sự của ông đã xắn tay áo bắt tay ngay vào việc tổ chức tiếp đón và định cư đồng bào Miền Bắc, với sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Đến đây thì người Pháp và người Mỹ mới có thể nhận thức được tài năng của ông Diệm và anh em của ông. Cùng với 15 cộng sự viên, ngân khố trống rỗng, nhân lực thiếu thốn trầm trọng, quân đội thất tán, lòng người còn ngơ ngác hoang mang, không hiểu bằng cách nào mà Thủ Tướng Diệm có thể tổ chức được một guồng máy khổng lồ và hữu hiệu đón nhận trong vòng 10 tháng một khối lượng người đông đảo tới một triệu. Chính quyền đã phân phối thuốc men thực phẩm, phân định khu vực cư trú tạm thời hoặc vĩnh viễn cho đồng bào di cư, cùng vô số những công tác không tên khác. Bộ Tổng Tham Mưu điều động 300 ngàn binh sĩ trấn đóng khắp các quân khu bảo vệ làng thôn, song song với việc gấp rút tiếp thu những vùng Việt Minh đã rút đi về Bắc, v.v.. Nào phải có những công việc đón nhận và định cư ấy đâu, với đồng bào Miền Nam, chính phủ ông Diệm soạn thảo những kế hoạch phục hồi, tái thiết, phát triển kỹ nghệ, chấn hưng nông nghiệp, khuyến khích và tài trợ đồng bào Miền Trung vào Nam khẩn hoang lập ấp, đẩy mạnh công tác cưỡng bách giáo dục cấp tiểu học và trung học trong hạng tuổi từ 6 đến 14, xây dựng thêm đại học tại Sài gòn và Huế, hỗ trợ đại học Chính Trị Kinh Doanh tại Đà Lạt. Xuất thân từ Trường Hành Chánh, Thủ Tướng Diệm luôn mang mẫn trong lòng hoài bão gây dựng một thể hệ viên chức tài năng, mẫn cán và liêm

kiệt như ông, nên ông đã đích thân thúc đẩy việc thành lập Trường Quốc Gia Hành Chánh để cung cấp cán bộ lãnh đạo đến tận cấp quận. Đất nước vẫn còn đang trong hiểm họa của một cuộc chiến tranh chống cộng tiềm tàng, ông Diệm đã nghĩ đến việc gởi các sinh viên Quốc Gia Hành Chánh theo học những khóa quân sự tại các quân trường lớn, để họ trở thành những hào kiệt văn võ song toàn.

Văn ôn thì cũng phải có võ luyện. Để có một quân đội mạnh và nhiều cấp chỉ huy giỏi giữ gìn bờ cõi, trấn thủ biên cương, bình định tặc khấu, tiêu trừ thổ phỉ, sau khi đã được quốc dân bầu làm tổng thống ngày 23.10.1956, ông Diệm đã lên Đà Lạt đặt viên đá xây dựng Trường Võ Bị Quốc Gia, với kỳ vọng đào tạo cho đất nước những cấp chỉ huy và lãnh đạo trẻ đầy tài năng, mà có thể cùng quân đội đương đầu với một cuộc xâm lấn từ phương Bắc. Ông Diệm cũng chú trọng đến việc phát triển Trường Bộ Binh Thủ Đức, Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế, các Trường Hải Quân, Không Quân, để trong một thời gian ngắn, cái xương sống vững chắc của toàn quân đội Việt Nam Cộng Hòa được hình thành. Từ tận đáy lòng, Tổng Thống Diệm luôn tri ân những người lính đã hy sinh trên chiến trường, hay còn đang anh dũng chiến đấu dưới Lá Cờ Vàng Đại Nghĩa, ông đã cho thành lập Trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu nuôi nấng và giáo dục con em binh sĩ quốc gia được thành người hữu dụng cho xã hội và cán bộ tài năng cho quân đội. Hoa Kỳ không có ngân khoản viện trợ cho Trường Thiếu Sinh Quân, chính phủ đã trích từ ngân khoản quân đội tài trợ cho hoạt động của trường. Đi xa hơn nữa, luôn luôn khoắc khoải ưu tư số phận của những con cô và góa phụ của tử sĩ, Tổng Thống Diệm suy nghĩ tìm cách nâng đỡ tinh thần và vật chất cho họ, bằng cách cho xây cất hầu hết trên toàn quốc những Trường Quốc Gia Nghĩa Từ, con em chiến sĩ trận vong được vào học miễn phí, các học sinh xuất sắc được cấp học bổng du học ngoại quốc.

Với nhân lực bổ sung từ Miền Bắc gần một triệu người và với dân số 14 triệu, trong đó 90% sống bằng nông nghiệp, chính phủ Ngô Đình Diệm đã có chương trình cấp phát ruộng đất cho nông dân, nên trong vòng vài năm sản lượng lúa đã lên đến nhiều chục triệu

tấn. Sau một thập niên chiến tranh từ 1945 - 1955, nước Việt Nam Cộng Hòa dưới thời chính phủ ông Diệm đã có thể bắt đầu xuất cảng nhiều triệu tấn gạo để lấy ngoại tệ. Công cuộc phát triển kỹ nghệ, thương mại cũng được phát triển mạnh mẽ, những mặt hàng nội hóa đã dần dần có thể cung ứng đủ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước. Người Việt Nam không có tư tưởng chuộng hàng ngoại quốc, vì phẩm chất hàng nội địa rất cao. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, chỉ trong vài năm ngắn ngủi, Tổng Thống Diệm đã đưa Việt Nam lên hàng cường quốc Đông Nam Á, trước sự ngạc nhiên cùng cực của người Mỹ và sự kính nể của các nước Á châu, nhất là những lân bang như Lào, Miên, Thái, Phi. Nước Phi có giải thưởng Tổng Thống Magsaysay dành trao tặng cho những vị nguyên thủ quốc gia tài năng của châu Á, năm 1960 đã tặng giải này cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm của Việt Nam Cộng Hòa, bởi những thành tích sáng chói mà ông cùng chính phủ của ông đã tạo được. Tổng Thống Diệm đã làm một nghĩa cử cao đẹp, khi ông hiến tặng số tiền thưởng 15 ngàn mỹ kim cho ngân quỹ của Đức Đạt Lai Lạt Ma cứu giúp người Tây Tạng vượt biên sang cư ngụ tại Ấn Độ. Người ta vẫn thường nhầm lẫn cho rằng Tổng Thống Diệm bênh vực và giành nhiều ưu tiên cho Công giáo Việt Nam, nhưng trong thực tế thì người đã từng mạnh mẽ bác bỏ nhiều yêu sách quá đáng từ giới này, một số linh mục đã rất buồn phiền thất vọng.

Tổng Thống Mỹ Eisenhower vốn không mấy tin tưởng và mặn mà với Tổng Thống Diệm, nhưng trước những thành quả hiển nhiên đó, ông đã phải cân nhắc lại cách suy nghĩ của mình. Chỉ với không quá 400 triệu mỹ kim viện trợ kinh tế hàng năm, một con số khiêm tốn nếu so với hàng tỉ mỹ kim của chương trình Marshall tái thiết Đức và Nhật, hai nước này phải cần đến 20 năm để vươn lên, thì thành quả công việc của chính phủ Ngô Đình Diệm trong chín năm (1954 – 1963) phải nói là kỳ diệu, nhưng rất ít được các sử gia Tây phương chú ý. Vừa phải đương đầu với cuộc xâm lăng của đại khối cộng sản quốc tế do Nga, Hoa dẫn đầu với đạo quân tiên phong là binh đội Bắc Việt, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa vừa phải cố gắng phát triển nền kinh tế đất nước. Trong lúc Việt Nam Cộng Hòa nỗ lực ngăn chống đạo âm binh cộng sản, thì những nước láng

giềng như Thái, Mã Lai, Phi, Nam Dương, Đại Hàn, Nhật Bản được thanh thoi nhàn nhã tập trung tài nguyên, vật lực kiến tạo đất nước trở thành những con rồng, con hổ Á châu. Đặc biệt, Nhật Bản là nước được hưởng lợi rất nhiều và phát lên như điều gặp gió từ cuộc chiến tranh Việt Nam hai mươi năm, nhưng là nước nhận người Việt tị nạn ít nhất. Hành động hiệp đáp, giết chóc, hãm hiếp, xua đuổi của quân đội và viên chức các nước Thái, Mã, Phi, Nam Dương nhắm vào người Việt tị nạn là hành động bội bạc với dân tộc nước ân nhân của họ. Chính dân tộc những nước ấy phải tri ân dân tộc Việt Nam đã đổ máu xương làm bức tường thành ngăn chống làn sóng cộng sản.

Ngày nay, trong thập niên đầu của thế kỷ thứ 21, không còn bức tường thép Việt Nam Cộng Hòa nữa, các nước Đông Nam Á đã xun xoe, bỏ đỡ cộng sản Việt Nam để mong chúng cho được yên thân. Các chính quyền Mã Lai, Nam Dương khiếp sợ Việt cộng, đã cho đập bỏ những bia tường niệm thuyền nhân trên những đảo xưa. Nhưng thí dụ rõ nét nhất là việc tư pháp Thái Lan trong tháng 9.2006 vừa qua, bất chấp đạo lý và công lý, đã chịu khuất nhục, khom lưng tuân lệnh cộng sản Hà Nội cho dẫn độ anh hùng Lý Tổng về Việt Nam thụ án. Không còn Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, trước sức ép kinh khủng của Trung Cộng, cái gọi là Quân Đội Nhân Dân của Hà Nội đã run sợ mất mật, chịu cúi đầu quy phục làm bọn hàng thần lơ láo cho kẻ thù Bắc phương. Mao Trạch Đông, Chủ Tịch Trung Cộng bấy giờ có lần tìm cách liên lạc với Việt Nam Cộng Hòa đề nghị hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ, nhưng Tổng Thống Diệm đã thẳng thắn từ chối.

Có ít nhất ba nhân vật quan trọng Hoa Kỳ đóng góp vào sự hưng thịnh của nước Việt Nam Cộng Hòa non trẻ trong những năm đầu thập niên 1950. Thứ nhất, Trung Tướng O' Daniel, Tư Lệnh Phái Bộ Quân Viện Hoa Kỳ tại Việt Nam MAAG (Military Assistance Advisory Group) đặc trách giúp đỡ xây dựng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa hùng mạnh. Những người kế nhiệm Tướng O'Daniel theo thứ tự là Harkins, Westmoreland, Abrams và Weyand. Thứ hai, Trung Tướng Lawton Collins, phái viên đặc biệt của Hoa Kỳ tại Việt Nam, đặc trách quan sát và thẩm định tình hình Việt Nam.

Thứ ba, Đại Tá Không Quân Edward Lansdale, chỉ huy trưởng phân bộ CIA (Central Intelligence Agency) tại Việt Nam, cùng với một cộng sự viên rất đặc lực là Trung Tá Lucien Conein, một chuyên viên CIA chuyên trách tổ chức những lực lượng bí mật nhảy toán phá hoại Miền Bắc, viễn thám sang Lào. Về sau, Conein đã là nhân vật tiếp nhận kế hoạch đảo chánh Tổng Thống Diệm của nhóm sĩ quan VNCH, nên còn có thêm biệt danh “Chuyên viên đảo chánh”. Trong số những yếu nhân này, thì Lansdale tỏ ra là con người nhiệt tình và có rất nhiều thiện cảm với ông Diệm hơn cả. Giữa hai người đã hình thành một tình bạn rất sâu sắc, mà ông Lansdale đã có nhiều dịp thể hiện, bằng cách giúp ông Diệm vượt qua được nhiều cơn sóng gió.

Trung Tướng Collins từng có mối quan hệ thân thiết với tướng Paul Ely, Cao Ủy Pháp tại Việt Nam, trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Ely dĩ nhiên không thích ông Diệm, vì ông Diệm đang tìm cách tổng khứ 150 ngàn quân Pháp ra khỏi Miền Nam sau Hiệp Định Geneve 1954, trong khi Pháp muốn nấn ná ở càng lâu càng tốt, nên đã lờ ra tiếng vào nói xấu ông Diệm để lung lạc niềm tin của Collins. Collins là một con người hách dịch, cao ngạo. Ông ta tưởng rằng hào quang chiến thắng của Mỹ ở trong thế chiến có thể đè bẹp và khuất phục được vị tổng thống của một tiểu quốc, nhưng trong rất nhiều lần, Tổng Thống Diệm đều rất cứng rắn bảo vệ chủ quyền và sự tự quyết của quốc gia. Mọi việc thảo luận giữa Collins và ông Diệm đều diễn ra trong một bầu không khí bình đẳng tới đa có thể được. Với Tổng Thống Diệm, một con người Uy Vũ Bất Năng Khuất, anh đến đây giúp tôi với tư cách là bạn, chứ không phải là ông chủ. Một nhân viên cao cấp dưới quyền Collins đã phản ánh chính xác thái độ ngạo mạn của Collins, ông ta trả lời ông Trần Trung Dung, Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng VNCH (chức vụ bộ trưởng do Tổng Thống Diệm kiêm nhiệm), khi ông Dung đề nghị hãy để cho VNCH tự do tổ chức quân đội theo mô thức Việt Nam : *“Người nào trả tiền, thì người đó quyết định”*. Lansdale là một cái đệm đứng giữa dung hòa mọi khuynh hướng. Chính ông đã xác định với Tổng Thống Eisenhower, rằng Tổng Thống Diệm là con người của đại cuộc, của thời thế, ngoài ông Diệm ra, không còn có

ai có khả năng lãnh đạo Việt Nam. Eisenhower đã tin và mời Tổng Thống Diệm sang thăm Hoa Kỳ với tư cách quốc khách. Tổng Thống Eisenhower đã đích thân ra tận chân cầu thang phi cơ niềm nở bắt tay Tổng Thống Ngô Đình Diệm, cùng duyệt hàng rào danh dự. Tổng Thống Diệm được Quốc Hội Mỹ mời đến thuyết trình về tình hình Việt Nam. Tổng Thống Diệm đã phát biểu : *"Giữa Việt Nam và Hoa Kỳ có những sự khác biệt sâu sắc về chủng tộc, tập quán, khái niệm chính trị, tâm nhìn và triết lý. Tôi hy vọng rằng chúng ta có thể bắt được nhịp cầu giữa hai nền văn hóa Đông phương và Tây phương"*.

Để đạt đến được đỉnh cao vinh quang ấy trong đời, Tổng Thống Diệm không phải là đã không trải qua những nổi cay đắng của cô đơn và những biến cố cực nguy hiểm đến tính mạng, thanh danh và sự nghiệp chính trị của ông trong những năm đầu tiên trở về nước chỉ với hai bàn tay trắng cùng một tấm lòng, giữa một trùng vây các thế lực sứ quân và thù địch. Trong thời điểm mập mờ của năm 1954, tình hình chính trị tại Miền Nam rất rối rắm, vì chính phủ của Quốc Trưởng Bảo Đại không có thực lực, chỉ dựa vào Pháp, nhưng bản thân người Pháp sau chiến bại Điện Biên Phủ và phong trào đòi độc lập ở các nước Phi châu như Algeria, Maroc, đã gây ra rất nhiều nan đề làm người Pháp lúng túng. Quân Pháp cũng không còn đầy đủ sức mạnh để kiểm soát hay khống chế nhiều thế lực nổi lên ở Miền Nam, một hình ảnh tương tự như nạn sứ quân thời cuối thế kỷ thứ 10 khi, Ngô Vương Quyền đã tạ thế. Ông Diệm về nước trong bối cảnh hỗn mang đó, ông tiếp thu dinh Thủ Tướng, được đặt tên là Dinh Gia Long, tọa lạc trên đường Gia Long, chỉ với vốn vey 12 người lính bảo vệ, và chỉ có thế. Lansdale đã từng nhiều lần tự do đi vào phòng làm việc của Thủ Tướng Diệm mà chẳng có ai ngăn cản hay xét hỏi gì cả. Khi ông Diệm đã được quốc dân bầu làm tổng thống và chính thức làm việc trong Dinh Gia Long năm 1955 Lansdale bỏ công qua Phi nhờ Tổng Thống Magsaysay gửi chuyên viên quân sự là Đại Tá Arellano sang Sài Gòn giúp thành lập một tiểu đoàn phòng vệ phủ tổng thống. Tiểu đoàn này sau được nâng lên thành Liên Đoàn Phòng Vệ Phủ Tổng Thống, với những binh sĩ ưu tú được tuyển chọn từ những đơn vị xuất sắc của quân đội

Thành Cộng Hòa là một tòa nhà nhiều tầng khá kiên cố nằm gần Dinh Gia Long, đã được dùng làm nơi trú ngụ của sĩ quan và binh sĩ Liên Đoàn, nên mỗi lần có đảo chánh, thì quân đảo chánh phải không chế hay triệt hạ cho được Thành Cộng Hòa.

Những vị thủ tướng tiền nhiệm, chỉ hữu danh nhưng vô thực, ít quyền lực và không có quân đội yểm trợ, ông Diệm kiên quyết không dấn lên vết xe đổ của họ. Nhưng bắt đầu từ cái gì và dựa vào lực lượng nào. Thật may mắn cho Thủ Tướng Diệm, hầu hết các chiến sĩ thuộc Quân Đội Quốc Gia Việt Nam thời Bảo Đại di cư từ Bắc vào như Nhảy Dù, Bộ Binh, Commandos, đã tỏ lòng trung thành với tân Thủ Tướng, trong đó có nhiều chiến sĩ người thượng du như Mường, Thái, đặc biệt là Nùng. Dựa trên nền tảng đó, Thủ Tướng Diệm quyết định thanh toán các thế lực sứ quân để gom giang sơn dân tộc về một mối. Đối thủ của ông là những ai. Câu trả lời sẽ làm người đời sau sửng sốt. Rất nhiều, gần đạt con số 12 sứ quân thời ngài Đinh Bộ Lĩnh.

Thứ nhất : Thế lực mạnh nhất trong phe quốc gia đối đầu với Thủ Tướng Diệm lại chính là Quốc Trưởng Bảo Đại. Ông Bảo Đại là một người có lòng với tương lai của đất nước, nhưng khốn nỗi từ thuở nhỏ ông đã bị người Pháp nhồi nhét cho một nền giáo dục vong bản, nếp sống xa hoa, thượng lưu vương giả, nên ít nhiều gì thì tư tưởng của ông đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của Pháp. Bảo Đại sinh năm 1913 với tên Nguyễn Vĩnh Thụy, từ lúc biết nói biết hiểu thì người Pháp đã cho vú nuôi Pháp chăm sóc và thầy dạy người Pháp giáo dục theo kiểu Pháp. Năm ông 8 tuổi, Pháp đem ông sang Paris để vị hoàng tử trẻ ấy không còn cơ hội tiếp xúc với nền văn hóa truyền thống Việt Nam và ý chí phục quốc nữa, rút kinh nghiệm từ vị vua trẻ 16 tuổi Duy Tân trước đó. Hoàng đế Khải Định, cha ông, mất năm 1925, nhưng mãi đến năm 1932 Vĩnh Thụy mới được Pháp đưa về lên ngôi, lấy đế hiệu là Bảo Đại, để bảo đảm rằng vị tân vương thực sự là một người thân Pháp toàn tâm toàn ý. Trong thời gian ở Pháp, Vĩnh Thụy được người Pháp cấp cho lương bổng hàng năm rất hậu lên đến hàng triệu đồng Đông Dương, cho tương xứng với cuộc sống xa hoa của một đế vương, dụng ý muốn làm hư hỏng vị vua trẻ.

Tuy mang nhiều tai tiếng ăn chơi, đàn đúm trong những nhà chứa, hộp đêm sang trọng, nhưng tiếng gọi tha thiết của cố hương vẫn tiềm tàng trong tận đáy tim, vua Bảo Đại đã cố gắng trong khả năng rất hạn chế của mình, làm được nhiều việc có ý nghĩa. Chính phủ của Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân dưới quyền Quốc Trưởng Bảo Đại trong năm 1946 đã chọn được bài quốc ca Tiếng Gọi Công Dân và lá quốc kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ làm biểu tượng thiêng liêng của nước Việt Nam độc lập. Hai biểu tượng thiêng liêng này vẫn còn tồn tại mãi đến ngày nay trong lòng người dân Việt.

Quốc Trưởng Bảo Đại chọn ông Ngô Đình Diệm làm thủ tướng, nhưng vẫn e dè tài năng và quyền lực của ông Diệm sẽ lấn át ông. Nhưng khôn nổi, Bảo Đại dành quá nhiều thời gian ngụ cư ở Pháp nhiều hơn là về Việt Nam. Chọn ông Diệm, Quốc Trưởng Bảo Đại đã đặt hai điều kiện tiên quyết : Giành lại độc lập cho nước nhà và kiến thiết Việt Nam hùng mạnh. Nếu ông Diệm không làm được hai việc đó thì hãy trả chính quyền lại cho ông. Thủ Tướng Diệm đã long trọng thề với Quốc Trưởng, ông sẽ làm được. Chuyện này đã do chính ông Bảo Đại kể lại trong cuốn hồi ký Dragon d'Annam (Con Rồng Nước Nam). Ông Diệm càng đạt được nhiều thành quả tốt đẹp thì Bảo Đại càng cảm thấy mình kém thế, vì vậy ông đã ủng hộ Trung Tướng Nguyễn Duy Hinh, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia và nhóm Bình Xuyên, nhiều lần tìm cách lật đổ ông Diệm. Bởi ông Bảo Đại không còn giúp ích được gì cho nước nhà, nhân có một chỉ dụ của ông ngày 19.4.1956 từ bên Cannes lệnh cho Thủ Tướng Diệm phải sang trình diện, với ý định sẽ bãi chức Thủ Tướng của ông.

Một cuộc Trưng Cầu Dân Ý đã được tổ chức trong ngày 23.10.1956 do Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng gồm nhiều nhân sĩ của các đảng phái và giáo phái ủng hộ Thủ Tướng Diệm đề xuất. Bản thân Thủ Tướng cũng không lường được sự tiến triển bất ngờ của tình thế, ông đã vô cùng sửng sốt khi buổi chiều ngày 20.4.1956, sau 7 tiếng đồn ghò thảo luận căng thẳng, Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng đã mời ông Diệm đến thông báo quyết định

truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại. Là một sĩ phu nặng lòng trung quân và ái quốc, một con người từng nghiêm ngẫm nghĩa lý Tứ Thư, Ngũ Kinh, với những tấm gương trung liệt trong đó, Thủ Tướng Diệm chưa bao giờ dám có ý nghĩ phạm thượng với vua Bảo Đại. Nhun ghội đồng biết rõ rằng, nếu Thủ Tướng đi sang Pháp trình diện ông Bảo Đại, thì chuyến đi đó lành ít dữ nhiều và có thể vĩnh viễn biệt xứ. Hơn 5 triệu người dân đi bầu. Kết quả, có đến 98,2% số phiếu ủng hộ ông Diệm trong cương vị Tổng Thống và đồng ý cho Quốc Trưởng Bảo Đại giải nhiệm. Phía Hoa Kỳ không được hài lòng lắm với tỉ lệ quá cao như thế, nó có vẻ không thực, hy vọng khoảng 70% là lý tưởng nhất. Ngày 26.10.1955, ông Diệm tuyên thệ nhậm chức tổng thống, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa, cải danh Quân Đội Quốc Gia Việt Nam thành Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời thông báo trước quốc dân sẽ tổ chức bầu cử quốc hội vào đầu năm 1956. Người dân thời ấy và các thế hệ sau nợ Tổng Thống Diệm danh xưng đầy hãnh diện : Được làm công dân của nước Việt Nam Cộng Hòa. Những người lính chiến đấu dưới Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ nợ vị Tổng Tư Lệnh Tối Cao danh xưng lắm kiêu dũng : Người Lính Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày 26.10.1956, Quốc Hội đầu tiên của Việt Nam thông qua Bản Hiến Pháp, Tổng Thống Ngô Đình Diệm long trọng ban hành với lời xác tín : *Sau Hiến Pháp còn có tôi !* Ngụ ý người kiên quyết bảo vệ Hiến Pháp và luật pháp quốc gia. Nền dân chủ sơ khởi của nước cộng hòa non trẻ bắt đầu từ đây.

Thứ hai : Trung Tướng Nguyễn Duy Hình, nguyên là Trung Tá Không Quân trong quân đội Pháp, cưới vợ Pháp và nhập tịch Pháp, cha ông là cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm rất thân Pháp. Quốc Trưởng Bảo Đại đã cất nhắc Trung Tá Hình lên Thiếu Tướng, giữ chức vụ tư lệnh Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, với dụng ý củng cố vị thế của ông. Một thời gian sau, ông Hình được thăng Trung Tướng. Trong thời điểm chân ướt chân ráo mới về đến quê hương, ông Diệm buộc phải chấp nhận ông Hình. Người Mỹ càng hậu thuẫn ông Diệm bao nhiêu, thì người Pháp càng chơi trò ném đá đầu tay phá thói Thủ Tướng Diệm, bằng cách xúi dục Trung Tướng

Hình làm phản. Ông Hình nhiều lần cho xe thiết giáp và bộ binh đến bao vây dinh Thủ Tướng để thị uy, nhưng ông Diệm có Tướng Collins và Đại Tá Lansdale bảo vệ. Khi quân đội trung thành với ông Diệm đem quân đến bao vây trả đũa, thì Bộ Tư Lệnh Pháp chậm trễ việc cung cấp tiếp liệu, xăng nhớt di chuyển, thậm chí thiết lập nhiều nút chặn gây khó khăn cho quân đội. Có lần Lansdale đã mời nhiều sĩ quan thân ông Hình sang Manila, thủ đô Phi Luật Tân du hí, để tách họ ra khỏi ông Hình. Đồng thời, chính phủ Hoa Kỳ trong tháng 10.1954 gửi công hàm báo cho người Pháp biết, Hoa Kỳ sẽ viện trợ trực tiếp cho Việt Nam không qua trung gian Pháp nữa. Người Pháp yếu thế dần, không còn hung hăng hỗ trợ ông Hình tạo phản nữa.

Tháng 11.1954, dưới sức ép của người Mỹ lên người Pháp, Quốc Trưởng Bảo Đại ra chỉ dụ bãi chức Trung Tướng Hình, ông Diệm bổ nhiệm Thiếu Tướng Lê Văn Tỵ thay thế, sau này ông được thăng lên đến Đại Tướng. Tướng Hình ngậm ngùi lên phi cơ về Pháp. Thiếu Tướng Tỵ bắt tay ngay vào việc nhận bàn giao quyền chỉ huy hoàn toàn quân đội Việt Nam từ người Pháp, hiệu lực từ ngày 11.2.1955. Quân Đội Quốc gia Việt Nam rẽ sang một giai đoạn mới và được cải danh thành Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa sau ngày 26.10.1955.

Thứ ba : Là lực lượng quân đội Pháp còn khoảng 150 ngàn người cứ chùng chình mãi không chịu hồi hương. Thủ Tướng Diệm căm giận lắm, đó là cái mối quốc nhục mà ông thề sẽ rửa trước anh linh của tiền nhân tiên liệt. Thực dân Pháp muốn có một chính phủ thân Pháp để duy trì thế lực Pháp ở Việt Nam. Pháp có nhiều nguồn lợi ở Việt Nam như các đồn điền trà, cà phê, cao su. Nhiều chủ đồn điền vẫn được chính quyền Việt Nam hai thời cộng hòa ưu đãi, không động chạm gì đến công cuộc làm ăn của họ, nhưng những người này thậm thụt đóng thuế, cung cấp tin tức cho quân cộng sản Bắc Việt và Việt cộng, dung chứa chúng trong những khu rừng cao su bạt ngàn, làm một mũi dao lúc nào cũng sẵn sàng thọc sâu vào tận trái tim nước Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng với sự thất bại của Bảo Đại, Tướng Hình, Bảy Viễn, sự quy phục của các giáo phái trước sự kiên quyết của Thủ Tướng Diệm, lại thêm ngân khoản tài

trợ của Hoa Kỳ đã cắt đứt, người Pháp thấy không còn hy vọng gì, những người lính Pháp cuối cùng đã lục tục xuống tàu về nước ngày 28.4.1956, đánh dấu chấm hết một thế kỷ thống trị của người Pháp. Tổng Thống Ngô Đình Diệm, sau mấy năm đấu trí đấu lược với thực dân Pháp, đã thực sự tổng xuất được bọn chúng ra khỏi nước Việt Nam. Giờ đây, nước Việt Nam Cộng Hòa đã được hoàn toàn độc lập, uy thế của chính phủ ông Diệm lừng lẫy trên trường quốc tế, hầu hết các quốc gia không cộng sản, kể cả các nước Ả Rập đều chính thức công nhận Việt Nam Cộng Hòa và thiết lập quan hệ ngoại giao. Charles De Gaulle, Tổng Thống Pháp rất cay cú, nhưng buộc phải thực lòng ngợi ca Tổng Thống Diệm là “Winston Churchill của Á châu”, ngụ ý con người kiệt xuất đã giành được độc lập cho đất nước.

Thứ tư : Là lực lượng Bình Xuyên của Tướng Lê Văn Viễn. Được sự đỡ đầu và trả lương ngầm của Pháp, lực lượng Bình Xuyên chiêu mộ được đến 25 ngàn thủ hạ, trong đó có 1,500 tay súng. Bình Xuyên là một tổ chức tội ác, thối phỉ, một cái gì đó gần giống như Mafia của Ý, vì nó kinh doanh ngành cờ bạc và nhà chứa, ngang ngược không coi luật pháp quốc gia ra gì hết. Từ khởi đầu, thì lực lượng Bình Xuyên do một người anh chị tên Ba Dương lãnh đạo, đã kết hợp với các lực lượng Hòa Hảo và Cao Đài kháng chiến chống cả Pháp và Việt Minh. Ba Dương bị Tướng Nguyễn Bình của cộng sản giết chết, quyền chỉ huy rơi vào tay Lê Văn Viễn. Người Pháp khuyến dụ Bảy Viễn đem lực lượng quy thuận, đổi lại Pháp ban cấp cho Bảy Viễn bổng lộc và quyền lợi rất hậu.

Năm 1952, Bảo Đại phong cho Lê Văn Viễn, tự Bảy Viễn, cấp bậc Thiếu Tướng để làm vây cánh và có ý định sẽ đưa Bảy Viễn lên làm Thủ Tướng sau này. Nhà nước Pháp cũng ân thưởng Viễn huân chương cao quý Bắc Đẩu Bội Tinh. Tại sao ? Bảy Viễn và Bình Xuyên làm chủ nhiều cơ sở tài chánh lớn như các sòng bài Đại Thế Giới dành cho lớp thượng lưu giàu có Pháp và Việt, như cờ công tử Bạc Liêu và công tử Mỹ Tho chẳng hạn, sòng bài Kim Chung dành cho giới thấp hơn và giai cấp bình dân lao động. Có vô số người đã bán vợ con làm nô tì dĩ điểm, mất nhà cửa, sạt nghiệp, tự tử hay hóa điên vì hai sòng bài tội lỗi này. Chưa hết, nằm gần bên các

sòng bài là các khu nhà chứa đủ mọi hạng, từ deluxe hạng sang đến hạng hèn, nổi tiếng nhất là nhà chứa Bình Khang ở Vườn Lài. Công an và binh lính Bình Xuyên kiểm soát những trục lộ huyết mạch Sài Gòn – Vũng Tàu, Sài Gòn – Rừng Sắt, thu thuế các lò mổ thịt. Nguồn tài chính lớn nhất của Bảy Viễn là việc buôn bán thuốc phiện lậu chở từ vùng Tam Giác Vàng qua Lào, rồi vào Việt Nam, Bảy Viễn thâu hết. Bảy Viễn cung ứng cho ông Bảo Đại hàng tháng 500 ngàn đồng và bộ máy thống trị Pháp một số tiền lớn mỗi ngày lên đến 100 ngàn đồng, nhưng bù lại hắt cho người Hoa Macau đấu thầu và trả cho hắt mỗi ngày 400 ngàn đồng tiền Đông Dương. Dầu sao thì cũng có ít nhiều “huyền thoại” về Bảy Viễn. Có lẽ muốn hù dọa thiên hạ, bên cạnh những nhà điều chế tinh chất ma túy, Bảy Viễn cất nhiều chuồng nuôi cá sấu đến 12 con. Bên ngoài phòng ngủ của hắt có một con beo gấm dữ dằn được cột bằng một sợi dây xích dài. Trên ban công biệt thự, những con trăn gió bò lên nghển thấy mà... ghê. Chưa hết, có một con cạp mua từ xứ Siberia bên Nga hầm hừ nằm trong một cái chuồng sắt, mà khi cần thì từ bên trong người ta có thể bấm nút điện cho cửa chuồng kéo lên, ô hô, thế là con cạp phóng ra ngoài, kẻ lạ đột nhập toan tính ám sát Bảy Viễn hắt, tha hồ mà chạy vắt giò lên...ót nhé. Người ta đồn rằng có người trông thấy quần áo và xương người trong lòng cạp nữa, thế có ghê không chứ.

Một con người đạo đức bài phong kiến đả thực dân như Thủ Tướng Diệm đâu có thể chấp nhận một cái ung nhọt xấu xa tồn tại giữa lòng thủ đô. Biết chắc Hoa Kỳ đã cắt ngân khoản, Pháp không có tiền trả lương cho quân Bình Xuyên, Thủ Tướng Diệm quyết định đánh tiêu diệt bọn mafia thổ phỉ. Nhưng trước hết, ông cần thêm lực lượng của các giáo phái, càng nhiều càng tốt. Các Tướng Trình Minh Thế, Nguyễn Thành Phương của Cao Đài, Trần Văn Soái của Hòa Hảo đã xin quy phục chính quyền và đem về nhiều ngàn quân. Thiếu Tướng Thế được vinh thăng Trung Tướng, ông là con người tuổi trẻ tài cao, năng nổ, nhiệt thành trong chiến dịch tiêu diệt Bình Xuyên. Với sự hỗ trợ ngầm của quân Pháp, Bảy Viễn nhiều lần ngỗ ngáo đem thiết giáp và quân sĩ bao vây dinh Thủ Tướng. Nhưng một tên vô lại như hắt đâu có phải là đối thủ của một con người

kiệt liệt như Ngô Đình Diệm. Hai tiểu đoàn Dù của Thiếu Tá Liên Đoàn Trưởng Đỗ Cao Trí đã vây đánh tan nát bản doanh của bọn thổ phỉ mafia nằm trên đường Trần Hưng Đạo. Quân thổ phỉ Bình Xuyên chỉ giỏi húng hiếp dân lành, nhưng lại vô cùng hèn nhát trước các chiến sĩ quốc gia, chúng đã quăng súng bỏ chạy tán loạn. Bảy Viễn cùng Lại Văn Sang, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát, tay chân thân tín nhất của hắn nhanh chân lủi trốn vào Rừng Sát phía Tây Bắc Sài Gòn, rồi từ đó được tàu Pháp ỉu vào đưa về mẫu quốc.

Đại Tá Dương Văn Minh, tự Minh Cò (Big Minh), người hùng trong chiến dịch càn quét Rừng Sát, đã tìm thấy một thùng phuy giấy bạc Đông Dương của Bình Xuyên. Minh được vời về Sài Gòn cho vinh thăng Thiếu Tướng, đảm nhiệm chức vụ Tổng Trấn Sài Gòn, dẫn đầu đoàn quân trong buổi duyệt binh chiến thắng rất hùng tráng tại thủ đô. Minh dẫu nhem chuyện chiếc thùng phuy, nhưng tin phong phanh đến tai chính phủ ông Diệm, nhưng Tổng Thống Diệm cho xếp hồ sơ. Thiếu Tướng Minh lần lượt được chính phủ tín nhiệm trong những chức vụ chỉ huy cao nhất trong quân đội, như được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Các chiến dịch Hoàng Diệu 1954, chiến dịch Nguyễn Huệ 1955, chiến dịch Thoại Ngọc Hầu 1956, Tư Lệnh Liên Khu Thủ Đô năm 1957, Tư Lệnh Bộ Tư Lệnh Hành Quân 1961. Đầu năm 1963, Tổng Thống Diệm vinh thăng Trung Tướng và bổ nhiệm Tướng Minh chức vụ Cố Vấn Quân Sự Phủ Tổng Thống, một công việc ngồi chơi xơi nước. Tướng Minh để tâm thù hận ông Diệm từ đây. Mối thù càng sâu đậm hơn, khi ông Diệm bổ nhiệm bốn vị Tư Lệnh Quân Khu, Minh chẳng nắm được vùng nào cả. Các Tư Lệnh Quân Khu thời ông Diệm trong năm 1962 – 1963 như sau :

Quân Khu I : Thiếu Tướng Đỗ Cao Trí

Quân Khu II : Trung Tướng Nguyễn Khánh

Quân Khu III : Thiếu Tướng Tôn Thất Đính, kiêm Tổng Trấn Sài Gòn – Gia Định

Quân Khu IV : Thiếu Tướng Huỳnh Văn Cao

Ngay cả cái Tham Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu cũng lọt vào tay Thiếu Tướng Trần Văn Đôn, Minh chả được xơ múi gì. Được sự chấp thuận ngầm của Thái Thú Henry Cabot Lodge và Hoa

Thịnh Đôn, Minh lệnh riêng cho Đại Úy Nguyễn Văn Nhung giết chết Tổng Thống Diệm và bào đệ là ông Nhu trong lòng chiếc thiết vận xa M 113 trong ngày 2.11.1963. Là đảng viên Đại Việt, Nhung còn có mối thù riêng với Tổng Thống Diệm, vì ông Diệm đã cho quân đội tấn công hủy diệt chiến khu Ba Lòng ở Miền Trung của lực lượng Đại Việt. Nhung đó là chuyện đau lòng sau này. Nếu ông Diệm bổ nhiệm Tướng Trí làm Tư Lệnh Quân Khu III, rất có thể Tướng Trí vẫn giữ lòng trung thành, vì Đại Tá Cao Văn Viên cùng binh chủng Nhảy Dù như ông nhất định không phản, quân đảo chánh sẽ thất bại. Nhung đó là số trời, định mệnh oan nghiệt đã dành sẵn chén đắng cho người. Những năm đầu thập niên 1960, khi chiến sự bùng nổ giữa quân Mặt Trận Giải Phóng và Quân Đội VNCH, Minh thậm thụt tiếp xúc mấy lần với Tướng Việt cộng Dương Văn Nhựt, là em trai của ông ta, An Ninh Quân Đội VNCH biết hết, nhưng Tổng Thống Diệm không muốn làm lớn chuyện, ông cho xếp hồ sơ lại, vì Tướng Minh chưa có dấu hiệu phản loạn. Đó là sai lầm lớn nhất trong đời của Tổng Thống Diệm, mà ông sẽ phải trả giá đắt bằng chính mạng sống của mình.

Cuối tháng 4.1955, tàn quân Bình Xuyên co cụm về cố thủ bên kia cầu Tân Thuận trong Chợ Lớn. Trung Tướng Thế quả cảm tiến lên phía chân cầu điều động binh sĩ, nhưng một viên đạn bắn lén oan nghiệt đã giết chết ông. Một tên xạ thủ núp dưới chân cầu cách Tướng Thế khoảng mười mét bắn một viên đạn trúng màng tang phải trở ra mắt trái. Tướng Thế ngã ra chết tức khắc. Chiều ngày hôm sau, khi tình hình chiến sự tạm lắng dịu, Thủ Tướng Diệm cùng ông Nhu đến viếng xác Trung Tướng Thế. Thủ Tướng Diệm đã ôm thây người hào kiệt trẻ khóc lớn. Nỗi đau mất một cánh tay, một cột trụ chống đỡ trong thời buổi loạn binh, ông Diệm ngã ra ngất xỉu. Đến ngày 3.5.1955 thì quân Bình Xuyên hoàn toàn tan rã, một số đầu hàng, một số chạy thụt mạng sang Miền trốn, phần khác ẩn tránh trong các lực lượng giáo phái. Ngay lập tức, Thủ Tướng Diệm cho đóng cửa những nơi chốn tội ác, trả lại cuộc sống trong sáng và an lành cho người dân thủ đô. Dưới chín năm cầm quyền của ông, Tổng Thống Diệm không cho phép một hình thức sa đọa trụy lạc nào được tồn tại.

Sau chiến công này, tài năng lãnh đạo của Thủ Tướng Diệm đã được xác định. Người Mỹ và thế giới đồng công nhận rằng ông Diệm chính là nhà lãnh đạo duy nhất không ai có thể sánh nổi tại Việt Nam. Viện trợ Hoa Kỳ bắt đầu hào phóng đổ vào, dần lên đến 500 triệu mỹ kim mỗi năm. Dân chúng Việt Nam dần dần quen thuộc với những loại hàng hóa và thực phẩm mang nhãn hiệu hai bàn tay siết chặt, tượng trưng cho mối quan hệ thân tình giữa người Mỹ và người Việt Nam.

Thứ năm : Là lực lượng các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài. Đây là hai lực lượng lớn tương đương với Bình Xuyên và đã gây nhiều khó khăn cho chính quyền quốc gia. Từ khởi thủy, các lực lượng giáo phái chủ trương chống cộng và kháng chiến chống Pháp, nhưng sau Hiệp Định Geneva 1954, Việt cộng rút về Bắc, quân Pháp hồi hương, các giáo phái trong một tình trạng lúng túng, vì mục tiêu tranh đấu đã coi như tạm hoàn thành, tương lai đất nước vẫn mờ mịt. Vấn đề tế nhị và khó giải quyết là, chẳng lẽ sau bao nhiêu năm gian khổ chiến đấu, giờ đây lại buông súng quy hàng một con người xa lạ là Thủ Tướng Ngô Đình Diệm từ Hoa Kỳ về, và một quân đội xa lạ là Quân Đội Quốc Gia đa số từ Miền Bắc di chuyển xuống. Sự yếu ớt của các chính phủ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Xuân, Bửu Lộc trước đây đã là một tiền đề để các giáo phái nghĩ rằng chính phủ ông Diệm cũng ngã sụm sớm, họ sẽ nhân thời cơ nắm được một vai trò nào đó. Thủ Tướng Diệm kêu gọi quân đội giáo phái giải giới sáp nhập vào quân đội quốc gia, các thành phần chỉ huy được cải chuyển sang thành sĩ quan của một quân đội thống nhất. Nhiều nhóm vũ trang dưới quyền của một số tướng lĩnh ý thức được sự biến chuyển của tình thế, sự cần thiết hợp nhất quân đội để tiếp tục ngăn chống làn sóng cộng sản, và công nhận thiên mệnh đã chọn chí sĩ Ngô Đình Diệm làm người lãnh đạo, chứ không phải bất cứ ai khác trong số tướng lĩnh giáo phái, nên đã kéo nhau về xin quy thuận. Những tướng Nguyễn Thành Phương, Trình Minh Thế của Cao Đài, Trần Văn Soái của Hòa Hảo đều được chính quyền quốc gia trọng dụng và thăng thưởng. Các tướng Lâm Thành Nguyên, Nguyễn Giác Ngộ của Hòa Hảo chùng chình nửa muốn nửa không, chờ xem những đề nghị

quyền lợi do Đại Tá CIA Lansdale đứng giữa móc nối.

Phật giáo Hòa Hảo do Đức Huỳnh Phú Sổ sáng lập, tín đồ cung kính gọi ngài là Đức Huỳnh Giáo Chủ. Ngài sinh năm 1919 tại làng Hòa Hảo, thuộc tỉnh Châu Đốc. Thuở nhỏ ngài là một cậu bé ốm yếu và thường bệnh hoạn. Nhưng trong cái thân thể gầy gò ấy tiềm tàng một sức mạnh siêu nhiên về tâm linh, ngài luôn trầm tư suy nghĩ về những bí ẩn của đời sống, chiêm nghiệm chân lý. Năm 1939, lúc chỉ mới 20 tuổi, ngài đã ngộ được lẽ huyền vi của Phật giáo, rồi ngài bắt đầu cuộc đời đạo hạnh từ đây. Đức Huỳnh Giáo Chủ nghĩ rằng, ngài phải đi sâu vào đời sống mọi người chung quanh, ra tay cứu độ cho những người bệnh tật, thì mới có thể thuyết phục và thu hút được nhiều tín đồ. Vừa trị bệnh cứu đời, ngài vừa giảng thuyết Phật pháp. Người dân Miền Tây thuở thập niên 1940 đâu đã nhiều người được học hành chu đáo, nên Đức Huỳnh đã đơn giản hóa kinh Phật và phổ kinh vào thơ bằng những từ ngữ dễ hiểu, để cho bất cứ tín đồ nào cũng có thể cảm nhận được điều huyền diệu của Phật pháp. Trong lúc đất nước chìm đắm giữa cơn biển lửa chiến tranh, ngài kết hợp Phật pháp với chủ nghĩa quốc gia, mỗi tín đồ vừa là một Phật tử, nhưng cũng là một công dân có trách nhiệm chiến đấu lúc tổ quốc nguy biến. Ngài khuyên tín đồ nên tụng niệm bốn lần mỗi ngày, tán thán hồng danh chư Phật, tán thán công đức những anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Lý Bôn, Trần Hưng Đạo và Lê Lợi, để hun đúc tinh thần yêu nước. Vì ngài chủ trương chống thực dân Pháp xâm lược, người Pháp vu khống Đức Huỳnh giáo chủ là một người điên, nên năm 1940 chúng bắt giam ngài trong một nhà thương tâm thần. Nhưng ở đây, Đức Huỳnh đã thuyết pháp và thu nhận làm tín đồ hầu hết những bác sĩ, y tá và nhân viên.

Khi quân Nhật đảo chánh Pháp ngày 9.3.1945, người Nhật đưa ra chiêu bài “Đại Đông Á” đoàn kết những dân tộc da vàng, ủng hộ những lực lượng võ trang yêu nước Việt Nam. Lực lượng quân sự của Phật Giáo Hòa Hảo lúc đó đã kết nạp được đến 15 ngàn chiến sĩ quốc gia. Năm 1946, Đức Huỳnh thành lập Đảng Dân Xã, thế lực ngày càng bành trướng dần khắp hết Miền Tây. Một trong những cấp chỉ huy của lực lượng võ trang Hòa Hảo là Tướng Lê Quang

Vinh. Ông là một người chống Pháp rất quyết liệt. Để khẳng định quyết tâm, năm 1947, Tướng Vinh đã chặt đứt một ngón tay trở, từ đó dân chúng còn gọi ông là Tướng Ba Cụt. Một cấp chỉ huy khác là Trần Văn Soái, tính nóng như Trương Phi, được binh sĩ kính trọng gọi là Năm Lửa. Nhận thấy Đức Huỳnh Giáo Chủ đã trở thành một đối thủ chính trị và quân sự đáng sợ tại Miền Tây, Hồ Chí Minh lệnh cho đàn em dàn dựng một cuộc họp thương giữa Việt Minh và Hòa Hảo tại một địa điểm hẻo lánh là Kinh Đốc Vàng trong ngày 19.4.1946, mời Đức Huỳnh đến rồi giết chết. Tuy Đức Huỳnh Giáo Chủ đã qua đời, nhưng Việt Minh không thể tiêu diệt nổi lực lượng võ trang Hòa Hảo, con số tín đồ trong những năm đầu thập niên 1950 đã lên đến hơn 1 triệu rưỡi người.

Sau khi được quốc dân tín nhiệm bầu làm Tổng Thống trong cuộc bỏ phiếu ngày 23.10.1955, chí sĩ Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa. Bình Xuyên đã bị tiêu diệt hồi tháng 5.1955, giờ đây Tổng Thống Diệm bắt đầu thanh toán lực lượng Hòa Hảo. Những tướng lĩnh chịu quy phục như Trần Văn Soái, Tổng Thống Diệm trọng dụng và tưởng thưởng vật chất xứng đáng (Sử liệu của người Mỹ viết rằng CIA đã giúp Tổng Thống Diệm 12 triệu mỹ kim trong việc này) Những tướng lĩnh bất phục, ông lệnh cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa tấn công không khoan nhượng. Những trận đánh đẫm máu đã diễn ra, để cuối cùng Tướng Lê Quang Vinh Ba Cụt bị quân của Đại Tá Dương Văn Minh bắt sống trong tháng 4.1956. Tướng Ba Cụt để tóc dài đến tận vai, ông thề rằng khi nào đất nước thống nhất thì ông mới cắt tóc. Tháng 7.1956 Tướng Lê Quang Vinh bị xử chém tại Cần Thơ. Lực lượng võ trang Hòa Hảo của Tướng Ba Cụt tan rã từ đây, các binh sĩ phân tán và ẩn tránh vào những vùng thôn quê xa thành thị chờ thời cơ trỗi dậy. Đạo Cao Đài được ngài Ngô Văn Chiêu sáng lập từ năm 1878 tại Chợ Lớn, tiết lộ rằng ngài đã được gặp gỡ đáng toàn năng tối cao là Thượng Đế qua hiện tượng cơ bút. Biểu tượng thiêng liêng của Cao Đài giáo là hình Một Mắt, có nghĩa là sự thấu suốt mọi lẽ huyền vi của vũ trụ và thế giới tâm linh. Đức Ngô Văn Chiêu đưa vào nhiều hình tượng để tán thán và thờ phượng. Ngoài Đức Phật Thích Ca, còn có Đức Chúa Jesus, Lão Tử, Khổng Tử, thấp hơn có Jeanne

d'Arc (nữ anh thư Pháp), Victor Hugo (văn hào Pháp), Charlie Chaplin, Laurel va Hardy (đều là các tài tử điện ảnh Hoa Kỳ), cùng nhiều nhân vật lịch sử, tôn giáo và văn hóa khác nữa, đều được thờ phượng như những bậc thánh. Với một đạo pháp chủ trương hòa đồng như thế, rất dễ được quần chúng tin tưởng và chấp nhận, nên chỉ trong một thời gian ngắn, đạo Cao Đài đã phát triển toàn khắp Lục Tỉnh và bành trướng ra đến Miền Trung. Tòa Thánh Trung Tâm đặt tại Tây Ninh, sinh hoạt nội bộ của hàng giáo phẩm và giáo dân chặt chẽ, gần giống hình thức bán tự trị (semi autonomous state), một lãnh thổ trong một quốc gia. Sự kiện này đã làm thực dân Pháp rất lo lắng, khi con số chiến sĩ trong lực lượng võ trang Cao Đài đã lên đến 25 ngàn người. Năm 1932, Đức Ngô Văn Chiêu qua đời, ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc lên chấp chương công việc. Đầu những năm 1950, tín đồ Cao Đài đã lên đến gần 2 triệu người. Song song với cuộc bình định lực lượng võ trang Hòa Hảo, Tổng Thống Diệm bắt đầu chiến dịch chinh phạt lực lượng võ trang Cao Đài. Với sự giúp sức của CIA Mỹ, qua trung gian của Đại Tá Lansdale, Thiếu Tướng Trình Minh Thế, Thiếu Tướng Nguyễn thành Phương chịu quy thuận với những thăng thưởng cấp bậc và vật chất rất hậu từ phía chính phủ (sử liệu Mỹ tiết lộ CIA đã giúp 1 triệu mỹ kim). Cuối năm 1955, Quân Đội VNCH tấn công vào chiến khu Tây Ninh. Trước ý chí sắt đá của Tổng Thống Diệm, rằng ông không bao giờ chấp nhận nạn sứ quân trong một quốc gia có một chính phủ dân cử hợp pháp, thêm tin tức bất lợi và đẫm máu từ phía mặt trận Hòa Hảo dồn dập bay về, Hộ Pháp Phạm Công Tắc buộc phải đào thoát sang Cao Miên trong tháng 2.1956. Phần lớn binh sĩ Cao Đài buông súng xin quy hàng, số còn lại tản mác về Miền Tây.

Như vậy là đã xong những thế lực sứ quân lớn, các lực lượng võ trang giáo phái đã lui tàn, nhưng giáo dân Hòa Hảo và Cao Đài vẫn được tự do tín ngưỡng và hành đạo của mình. Chẳng những thế mà chính quyền ông Diệm còn giúp đỡ trùng tu, xây dựng chùa, đền, tòa thánh. Sự kiện này chứng minh rằng, bản thân Tổng Thống Diệm, người không bao giờ chủ trương kỳ thị tôn giáo. Ngoài tư cách là một tín đồ Thiên Chúa giáo, ông còn là một nhà nho Không

giáo, một kẻ sĩ chân chính luôn tôn trọng đạo lý và lẽ công bằng. Quan niệm rằng tín đồ bất cứ đạo giáo nào chỉ nên trau dồi phần đạo đức và tâm linh, Tổng Thống Diệm luôn tích cực hỗ trợ cho công việc thiêng liêng đó. Nhưng không thể lợi dụng tôn giáo để bạo động và hùng cứ. Quân đội phải được hợp nhất thành một sức mạnh để bảo vệ đất nước. Ông cũng áp dụng quan niệm đó với lực lượng Phật giáo, nhưng đây lại là một câu chuyện khác đầy rối rắm mang rất nhiều màu sắc chính trị, có sự nhúng tay của Mỹ và cộng sản để đánh đổ người.

Thứ sáu : Ngoài các thế lực Hòa Hảo, Cao Đài, chính quyền trung ương cũng chú ý đến thành phần người Thượng và người Miên. Người Thượng sống tập trung hầu hết trên vùng đồi núi cao nguyên Miền Trung, có đến hơn 40 chủng tộc, trong số này có rất nhiều chủng tộc rất gần cận với người Miên, nói với nhau và hiểu nhau được. Người Thượng không ưa người Kinh, cả quốc gia lẫn Việt cộng, vì họ chịu thuế má nặng nề từ hai phía thuở các vua Kinh và thời Pháp thuộc, cùng các triều Nguyễn, rồi thời Việt Minh. Phong trào FULRO (Front unifié de liberation des races opprimées) : Mặt Trận Liên Hiệp Những Dân Tộc Bị Áp Bức) trong những thập niên 1960 về sau, tập hợp người Thượng, chủ yếu từ các sắc tộc lớn như Sedang, Rhade, Jarai, Ede, đòi thành lập một quốc gia riêng do người Thượng điều hành, về sau lại có thêm các sắc tộc Chăm và Khmer. Các thời Cộng Hòa Nhất và Nhị đều có thành lập Bộ Sắc Tộc để giải quyết các vấn đề người Thượng, song song với việc chăm lo quyền lợi cho họ.

Người Miên có khoảng 600 ngàn người sống tập trung ở Tây Ninh, Bình Dương, nhưng đa số quy tụ ở Miền Tây như Ba Xuyên, Vĩnh Bình, Châu Đốc và An Xuyên. Người Miên hận thực dân Pháp đô hộ, oán người Việt chiếm đoạt phần Thủy Chân Lạp trong mấy trăm năm Nam tiến. Bị người Việt Nam coi thường, khinh chê họ là giống dân lạc hậu, nên mỗi khi có dịp dậy giặc Cáp Duôn (giết người Việt) ở những vùng biên giới, người Miên tàn sát người Việt rất dã man. Sau Thế Chiến Thứ Hai, một nhóm người Miên thành

lập lực lượng kháng chiến Khmer Kampuchea Krom chống Pháp, đánh cả luôn Việt Minh và Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, với ý đồ đoạt lại vùng Thủy Chân Lạp. Năm 1956 là một năm binh lửa, khi Quân Đội VNCH mở nhiều mặt trận đánh các lực lượng võ trang Hòa Hảo, Cao Đài, và quân Khmer. Quân đội quốc gia đã gặp phải sự kháng cự quyết liệt của lực lượng Khmer Kampuchea Krom. Quân Việt tấn công dữ dội, tiêu diệt nhiều ngàn quân Miên, đẩy lùi quân Krom chạy dạt về bên kia biên giới. Sau cuộc chiến, người Miên cam chịu khuất phục, họ được chính phủ Việt Nam bảo vệ, được tự do làm ăn sinh sống, canh tác và sở hữu, thi hành nghĩa vụ công dân như bất cứ người công dân Việt Nam nào.

Thứ bảy: Người Thiên Chúa giáo Miền Bắc di cư vào Miền Nam khoảng 600 ngàn người trong số 700 ngàn đồng bào, thành phần còn lại là Phật giáo, cộng thêm 300 ngàn binh sĩ quốc gia và gia đình, các thành phần viên chức, công nhân, thương gia, và tất cả những ai tin rằng nếu ở lại sẽ bị cộng sản đày ải hay tàn sát. Lực lượng Quân Đội Quốc Gia giảm xuống còn 150 ngàn chiến sĩ, sau khi người Mỹ đề nghị Thủ Tướng Diệm cho giải ngũ một nửa quân số. Đồng bào di cư bao gồm nhiều thành phần trí thức, có một nền học vấn vững chắc, nói tiếng Pháp lưu loát, có kiến thức, siêng năng và cần mẫn, nên chẳng mấy chốc, khối Thiên chúa giáo đã trở thành một thế lực kinh tế, tài chính và chính trị lớn tại Miền Nam. Tổng Thống Diệm không chủ trương đưa Thiên Chúa giáo, hay Công giáo lên vị trí độc tôn, nhưng người ta tin rằng ông đã dành rất nhiều tin tưởng và tín nhiệm người Công giáo, vì khối người này có lập trường quốc gia chống cộng rất kiên quyết và hậu thuẫn ông trong mọi chủ trương. Nhưng nói ông Diệm dung túng, bênh vực người Công giáo thì không đúng. Ông là con người có cao kiến và rất thận trọng trong vấn đề này, bằng chứng là hầu hết những viên chức làm việc trong Phủ Tổng Thống chung quanh ông đều là tín đồ Phật giáo, thí dụ như ông Võ Văn Hải, Chánh Văn Phòng; ông Quách Tòng Đức, Đồng Lý văn phòng; ông Nguyễn Thành Cung, Tổng Thư Ký; ông Trần Sử, Bí Thư; ông Tôn Thất Thiết, nội dịch và ông Nguyễn Bằng, cận vệ. Những linh mục chặn dắt giáo xứ Bùi Chu và Phát Diệm là Lê Hữu Từ và Phạm Ngọc Chi, thủ

lãnh Lực Lượng Đại Đoàn Kết là linh mục Hoàng Quỳnh không thích Tổng Thống Diệm, vì ông đã thẳng thắn bác bỏ nhiều yêu sách quá đáng của họ.

Con số người Công giáo từ Miền Bắc dần dần tăng trưởng đã lên đến hơn 1 triệu rưỡi người. Những người có tài năng và học thức đều được trọng dụng làm việc trong guồng máy quốc gia, những thành phần ưu tú trong quân đội đã trở thành những cấp chỉ huy cao nhất. Đối với đồng bào thường dân, chính phủ ông Diệm đã lập được kỳ công, thiết lập 319 xã định cư, phân phối đất canh tác cho, trợ cấp tài chánh đến khi đồng bào đã có thể tự sinh sống được. Chính phủ gởi 400 ngàn đồng bào xuống Miền Tây canh tác ở những vùng đất có người Miên dọc theo biên giới như khu vực Cái Sắn, Kiên Giang, vùng Kinh Thoại Ngọc Hầu và Kinh Vĩnh Tế ở Châu Đốc. Đồng thời, 100 ngàn dân di cư được đưa lên cao nguyên Quân Khu II nhận đất khai khẩn và canh tác ở khu vực các tỉnh Darlac, Lâm Đồng, Kontum, v.v.. bên cạnh các sắc tộc Thượng. Chúng ta thấy ngay cái thế chiến lược mà một con người nhìn xa trông rộng như Tổng Thống Diệm đã bố trí. Nửa triệu đồng bào di cư ở những khu vực đó hình thành những vòng cung làm phen dậu che chở cho nền an ninh của Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời mở rộng sản lượng nông nghiệp quốc gia, khai khẩn đất hoang hay đất rừng, góp phần tăng trưởng nền kinh tế

Luôn luôn quan sát chính phủ và khối Công giáo bằng một nhãn quan nghi ngờ, là đại khối Phật giáo ở Miền Nam. Nói chính xác hơn, là thành phần ni sư ở cấp cao trong giáo hội Phật giáo. Với con số tín đồ chiếm đến 90% dân số (mặc dù trong hệ thống Phật giáo chẳng có bằng chứng nào ghi nhận sự quy y chính thức của mỗi tín đồ, người dân chỉ đơn giản thờ phượng chư Phật, đi chùa lễ Phật mỗi dịp lễ lạc quan trọng, song song với việc thờ phượng tổ tiên, ông bà), giáo hội Phật giáo luôn dè chừng nguồn tin rằng người Công giáo vận động chính phủ công nhận Công giáo là quốc giáo. Nhưng Tổng Thống Diệm, dù rất kính sợ anh mình là Ngô Đình Thục, Tổng Giám Mục giáo phận Vĩnh Long, rồi giáo phận Huế, ông không bao giờ cho phép chuyện đó xảy ra. Tất cả mọi tôn giáo đều có vị trí xứng đáng của mình trong lòng dân tộc. Nhưng

khôn nổi, những giáo phẩm cao cấp của các tôn giáo, vẫn còn rất nặng lòng sân si, chấp mê vinh quang phù phiếm và sắc tướng, đâu có được tấm lòng thánh khiết cao cả như người.

Năm 1957, giám mục Ngô Đình Thục cố vận động Tòa Thánh Vatican bổ nhiệm làm Tổng Giám Mục Sài Gòn, nhưng Đức Giáo Hoàng Pius XII chỉ thỏa mãn một nửa, với trách vụ giáo phận Huế, một vùng đất tiềm tàng nhiều bất trắc. Dù Tổng Thống Diệm đã rất siêng năng đi thăm viếng khắp các chùa chiền, trò chuyện thân mật với sư sãi, nhưng cái khoảng cách thân tình giữa một vị lãnh đạo và những giới chức Phật giáo vẫn chưa thu ngắn được mấy. Một vị Tổng Thống đã hạ mình xuống ngang hàng với mọi thành phần dân chúng như thế, mà vẫn chưa nhận được sự hài lòng của mọi người, thật tội nghiệp cho ông. Người đã làm tất cả những gì phải làm để chứng tỏ ông là một con người của đại chúng, của mọi thành phần chính kiến, mọi tư tưởng, chứ ông không phải là của riêng một thế lực hay tôn giáo nào. Đó là sự thật, mà ngày nay mỗi năm đến ngày 2.11, người Việt quốc gia đều trang trọng làm lễ Cầu Hồn cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm để giải oan cho người và để tôn vinh một chiến sĩ quốc gia luôn nặng lòng tận tụy với tổ quốc và dân tộc đến giây phút cuối cùng của cuộc đời.

TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM: KỂ SĨ CUỐI CÙNG

Thứ tám : Khi tất cả những lực lượng võ trang giáo phái đã được bình định, vẫn hầy còn một lực lượng ghê gớm mà sẽ khuynh đảo hai chế độ Cộng Hòa ở Miền Nam. Đó là lực lượng Việt Minh, rồi sau này được gọi là cộng sản. Về sau, với sự hiện diện của binh đội Bắc Việt, báo chí truyền thông Việt Nam Cộng Hòa đã phân biệt hai thành phần quân cộng sản. Thứ nhất, là Việt cộng, là những binh sĩ nằm trong lực lượng võ trang của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam do Hà Nội thành lập ngày 20.12.1960 ở xã Tân Lập, tỉnh Tây Ninh, đa số là dân gốc Miền Nam. Thứ hai, là cán binh Bắc Việt, để gọi những bộ đội xâm nhập từ miền Bắc vào, đa số chiến đấu trong những lực lượng chính quy.

Khi 100 ngàn bộ đội cộng sản Miền Nam tập kết ra Bắc sau Hiệp Định Geneva ngày 20.7.1954, thì vẫn còn 10 ngàn người nhận lệnh Hà Nội ở lại nằm vùng, kiên nhẫn chờ thời cơ nổi dậy, nếu chính

phủ Việt Nam Cộng Hòa không chịu tổ chức cuộc tổng tuyển cử trong năm 1956. Hà Nội đã tiên đoán đúng, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa không ký vào bản văn Hiệp Định Geneva nên không có trách nhiệm thi hành hiệp định này. Quốc tế cũng hiểu như vậy, nên không ai có thể trách cứ chính phủ VNCH việc ấy. Từ cuối năm 1955 đến đầu năm 1960, Quân Đội VNCH vừa tiếp thu những vùng Việt Minh rút bỏ, vừa mở những cuộc hành quân tiêu diệt cộng phỉ. Tại sao gọi là cộng phỉ. Trong Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa có điều khoản không công nhận hoạt động cộng sản, loại chúng ra khỏi vòng pháp luật. Mọi hành vi ám sát, bắt cóc, khủng bố, nổ bom chọi búa, trường học, đào đường, phá cầu, thu thuế dân quê bằng cưỡng bách và giết chóc, nói chung những hành động phá hoại đều được gọi là phỉ và phải thụ án hình sự.

Ở Miền Trung, bộ máy mật vụ của ông Ngô Đình Cẩn truy lùng ráo riết Việt cộng nằm vùng, đồng thời với các thành phần chống đối. Bận rộn với công vụ ở Miền Nam, việc đón nhận và định cư gần một triệu người Miền Bắc vào, ông Diệm gần như khoán trắng công vụ Miền Trung cho ông em trong trách vụ Đại Biểu Chính Phủ ở Miền Trung. Bộ máy của ông Cẩn ở Miền Trung và mật vụ, cảnh sát ở Miền Nam làm việc hiệu quả đến mức cộng sản phải la làng lên, rằng quân đội quốc gia bắt bớ, đàn áp dân chúng “vô tội”. Thật buồn cười, anh phải làm cái gì đó vi phạm luật pháp quốc gia, thí dụ như anh làm giao liên, tiếp tế, chứa chấp phỉ cộng trong nhà, giấu súng làm du kích, nuôi quân cộng, ban đêm xách bị đi thu thuế dân lành, và nhiều tội ác mờ ám khác như bắt cóc, mổ bụng, cắt cổ những người theo về với phía quốc gia, anh bị bộ máy mật vụ và cảnh sát VNCH tóm đầu là đúng quá rồi, còn kêu ca nổi gì. Tại sao người ta bắt ông A mà không bắt ông B. Là tại vì ông A vi phạm pháp luật, ông B không có làm gì, nên ban đêm ông B cứ ăn ngon ngủ kỹ. Thí dụ như bây giờ chúng ta về thành phố Hồ vẹm rải truyền đơn chống cộng, vẹm đương nhiên bủa lưới bắt, chứ chúng để cho chúng ta tà tà thành thoi được sao. Tám gương của Đỗ Thành Công trong tháng 8.2006 đấy, chỉ mới về Phan Thiết nghỉ phép dung dăng dung dẻ với vợ con thoi, là đã bị tổng vào nhà đá rồi.

Toàn Miền Nam, con số cán bộ nằm vùng từ 10 ngàn người giảm xuống còn 3 ngàn. Cán bộ cao cấp nhất còn ở lại Miền Nam là Lê Duẩn phải bỏ nhiều công sức và thời gian để gây dựng lại cơ sở hạ tầng. Duẩn nhiều lần nài xin Hồ Chí Minh tấn công Miền Nam. Nhưng bản thân đảng Lao Động (tức cộng sản trá hình) còn nhiều khó khăn cần phải vượt qua và củng cố thành quả “cách mạng” ngoài Bắc, thêm cuộc khởi nghĩa Quỳnh Lưu, Nghệ An năm 1956, Hồ thấy chưa đủ sức và thời điểm chưa chín mùi. Điều mà Hồ có thể làm được là chỉ thị Lê Duẩn cho quân Việt cộng đấu tranh chính chính trị, song song với tổ chức những cuộc ám sát hàng ngàn viên chức xã ấp của quốc gia để gây khủng khiếp trong dân chúng và ngăn cản những người yêu nước làm việc cho chính quyền VNCH. Bầu không khí khủng bố bao trùm khắp thôn quê Miền Nam. Hầu như cứ qua một đêm, vào buổi sáng hôm sau, nằm trên một bờ đê hay trên một thửa ruộng cạn nước, hoặc ngập nước, người dân rừng mình hãi hùng trông thấy những cái thây người bị cắt cổ máu me đầm đìa, bụng bị mổ lòi ruột gan, trên ngực ghim một mảnh giấy với mấy hàng chữ : “Bản Án Dành Cho Bọn Làm Việc Cho Mỹ Diệm”.

Nhưng tất cả những thành phần dân tộc, tôn giáo, chính trị và cộng sản cũng chưa hội đủ điều kiện cần thiết để có thể làm sụp đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa, nếu... không có sự nhúng tay và hậu thuẫn của người Mỹ. Trước những sự quấy nhiễu, gây rối, hách dịch và ngu dốt về lịch sử, dân tộc, văn hóa và chính tình Việt Nam của các yếu nhân Mỹ từ Tổng Thống cho đến các cộng sự viên, Tổng Thống Diệm càng lúc tỏ ra rất cứng rắn không chịu khuất phục. Ông đã nhận ra rằng sự có mặt của 3,000 cố vấn Mỹ do Kennedy gửi sang Miền Nam không phải là giúp chính thể VNCH xây dựng một quốc gia độc lập và hùng mạnh thật sự, mà cốt chỉ phục vụ cho quyền lợi của người Mỹ và nước Mỹ, giống một con đường đang tách dần ra hai hướng, càng lúc càng xa cách. Chính phủ VNCH đề nghị chính phủ Hoa Kỳ giúp xây dựng một nhà máy đúc đạn tiêu liên ở Gò Vấp. Lúc đầu phía Hoa Kỳ đã chấp nhận, nhưng một thời gian sau đã cho xếp lại dự án ấy, bởi người Mỹ theo đuổi một chính sách phòng ngừa và ngăn chặn quân đội VNCH tấn công ra Bắc, họ sẽ

không cung cấp bất cứ phương tiện gì để VNCH có được khả năng tấn công. Thời Đệ Nhị Cộng Hòa, chính phủ mở Ngân Hàng Kỹ Thương ký thác tiền tiết kiệm hàng tháng của mỗi quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ cuối những năm 1960, con số lên đến vài tỉ đồng, tương đương mấy trăm triệu đô la Mỹ. Người Mỹ e rằng chính phủ VNCH dùng số tiền này mua thêm súng đạn từ các quốc gia khác, hoặc thành công trong những kế hoạch phát triển kinh tế để tự túc hoàn toàn, không nhận tiền Mỹ nữa, nên đã dàn dựng tấn kịch “tham nhũng” trong kế toán ngân hàng và Bộ Quốc Phòng, áp lực chính phủ VNCH phải bồi hoàn số tiền này cho mọi quân nhân, ngừng vĩnh viễn chương trình tiết kiệm quân đội. Nói một cách chính xác, vụ Kỹ Thương Ngân Hàng là một trong những dấu hiệu cho thấy chính phủ Hoa Kỳ đã ấn định và chuẩn bị cái chết của Việt Nam Cộng Hòa rất sớm. Người Mỹ không muốn VNCH thành công kinh tế, trở thành một cường quốc trong vùng Đông Nam Á, họ muốn dân tộc Việt mãi mãi đắm chìm trong nghèo đói, từ đó phát sinh nạn tham nhũng và phải chịu khuất phục, phụ thuộc người Mỹ.

Những cố vấn thân cận của Kennedy đã dùng trí tuệ siêu đẳng của họ để không phải chiến thắng kẻ thù một cách vinh quang, mà trời ơi, là để tháo chạy ra khỏi Việt Nam. Có hai khuynh hướng được cân nhắc : Thứ nhất, thay thế chính phủ ông Diệm bằng một chính phủ dễ nói chuyện và sai bảo hơn. Thứ hai, hất ông Diệm xuống và dựng lên, trời đất, một chính phủ có nhiệm vụ tuyên bố “đuổi” người Mỹ ra khỏi Miền Nam. Lúc ấy, người Mỹ danh chính ngôn thuận rời khỏi Miền Nam trong danh dự. Chúng ta sẽ thấy các đời tổng thống Mỹ đều rất gắn bó với hai khái niệm kỳ quái này. Càng kỳ quái hơn, khi người Mỹ đã tìm thấy một con người có khả năng thực hiện được hai kế hoạch ô nhục đó : Trung Tướng Dương Văn Minh của cuộc loạn binh 1.11.1963 và Tổng Thống Dương Văn Minh của cuộc “đuổi Mỹ” và đầu hàng ngày 30.4.1975.

Thật may mắn cho người Mỹ, vụ biến động Phật giáo xảy ra trong tháng 5.1963 là một cái ngòi nổ quá tốt để người Mỹ bê một trái mìn tới cho nó nổ sập chế độ Đệ Nhứt Cộng Hòa. Cuộc biến động đó thường được nhớ đến từ sự kiện “Treo Cờ Phật Giáo”. Cuộc oan

nghiệt khởi đầu từ việc những viên chức đầu tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế cho phép treo nhiều cờ Công giáo ra khỏi khuôn khổ của một thông tư trung ương. Nhân ngày lễ Phục Sinh đầu tháng 4.1963, Tổng Thống Diệm có đi thị sát dân tình, ông đã chú ý đến việc treo cờ quốc gia và cờ đạo chưa được nghiêm chỉnh và đúng cách. Tổng Thống Diệm ký một thông tư lưu ý các tỉnh thành về thể thức treo quốc kỳ trong những ngày lễ đạo, không phân biệt tôn giáo nào. Cờ quốc gia phải được treo ở cổng nhà thờ, chùa chiền, đền thánh, chính giữa và cao phía trên, đúng kích thước; cờ đạo được phép treo phía dưới; phía trong được treo bao nhiêu đạo kỳ tùy ý. Đầu tháng 5.1963, để kỷ niệm lễ ngân khánh 25 năm thụ phong của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, tại Huế, nhiều cờ Vatican đã được treo trái với quy định trong thông tư của Tổng Thống Diệm. Thật bất hạnh cho nước Nam, tháng 5 trùng với mùa lễ Phật Đản, nên ngày 8.5.1963, Phật Tử Huế treo cờ đạo cũng trái quy định, giống như vụ cờ Vatican. Anh treo được thì tôi treo được. Nếu sự việc ngừng ở đây thì đâu xảy ra thảm kịch đau lòng ngày 1.11.1963 và người Mỹ có đầu cái có để nhào vô đánh trống la làng. Vẫn những viên chức Huế thông báo đồng bào Phật Tử phải tuân theo thông tư chính phủ, treo đạo kỳ lùi vào bên trong chùa, gây nên một làn sóng phẫn nộ trong dân chúng. Ngay trong buổi chiều ngày 8.5.1963, một cuộc biểu tình phản đối tụ tập hàng ngàn Phật Tử trước Đài Phát Thanh Huế, là nơi đang đọc thông báo. Bầu không khí sôi sục nhưng vẫn còn có thể kiềm chế được, quân đội quốc gia được gọi đến nhưng không có một hành động nào sử dụng bạo lực. Đột nhiên có một trái bom nổ bùng lên giữa đoàn người đang hò hét, gây tử thương một số ít người, trong đó có 7 em bé. Như một cái ly nước đã quá đầy và tràn, không còn gì ngăn được lòng căm phẫn của dân chúng. Cán bộ cộng sản nằm vùng trong các chùa chiền, leo dần lên đến những vị trí đại đức, thượng tọa như Trí Quang, Thiện Minh,... đổ dầu thêm vào lửa, cố gây tình trạng hỗn loạn tại Huế, thay vì thể hiện tinh thần bất bạo động, cùng với chính quyền tìm những phương cách ôn hòa để giải quyết. Trong khi đó thì tất cả chùa chiền ở các tỉnh thành khác đều tuân thủ thông tư của chính phủ, không có biến động đáng tiếc nào.

Sự kiện 8.5.1963 đã được báo chí ngoại quốc đăng tải, dĩ nhiên thổi phồng, cố tạo cho thế giới có một cảm giác ngột ngạt đang diễn ra tại Việt Nam, chú tâm vào vấn đề Phật giáo, bỏ qua tất cả những thành quả khác đang trên đà tiến triển của Việt Nam Cộng Hòa. Đó là cung cách của báo chí, truyền thông Tây phương và Hoa Kỳ. Sau năm 1975, James Scott, cựu Đại Úy quân đội Mỹ, từng là cố vấn Tiểu Đoàn 1, Trung Đoàn 3, Sư Đoàn 1 Bộ Binh của VNCH, có nhiều liên hệ với CIA, công bố một bức thư thú nhận chính anh ta đã được lệnh gài một trái bom nổ chậm để gây ly gián giữa Phật tử và chính quyền. Kế lý gián ấy đã thành công, cộng với sự xáo động của sư sãi Việt cộng mặc áo nhà tu, đẩy tình hình nội trị Việt Nam đến một sự căng thẳng giả tạo. Một phái đoàn Liên Hiệp Quốc xin được vào Miền Nam điều tra những cái mà báo chí ngoại quốc gọi là “đàn áp tôn giáo” của chính phủ ông Diệm. Phái đoàn điều tra được phép đi khắp nơi, phỏng vấn một số người, để cuối cùng công bố một kết luận làm Hà Nội và người Mỹ thất vọng : Tại Miền Nam chẳng có dấu hiệu nào chứng tỏ chính quyền Ông Diệm đàn áp tôn giáo cả. Song song đó, chính quyền đồng ý bồi thường thỏa đáng cho các nạn nhân trong tai nạn bom nổ ngày 8.5.1963, tiếp tục những cuộc thương thảo với các chức sắc lãnh đạo Phật Giáo. Muốn đốt lên ngọn lửa hận thù, người ta phải dựng nên một vụ chấn động nào đó tương đương với sự kiện 8.5.1963. Ký giả David Halbrestart của báo New York Times sáng ngày 11.6.1963 bỗng nhận được một cú điện thoại nặc danh bảo anh ta đến ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng để chứng kiến một sự kiện quan trọng. Cùng hiện diện tại đó còn có nhiếp ảnh viên Malcolm Browe. Tấn bi kịch đã được dàn dựng với những nhân chứng ngoại quốc, để bảo đảm tin tức và hình ảnh được truyền bá khắp thế giới. David và Malcolm đã chứng kiến được tấn bi kịch tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức, 66 tuổi. Cùng với hai nhà sư trẻ hơn, hòa thượng Thích Quảng Đức từ trên một chiếc xe hơi bước xuống ngồi tọa thiền trong vòng vây của nhiều tầng ni. Hai nhà sư đồ một thùng xăng lên người ông, người hòa thượng tự châm diêm quẹt tự thiêu. Tin tức và hình ảnh ghê rợn đó đã được truyền đi đúng như ý muốn của những người dàn dựng. Chính phủ Mỹ có cái cơ nhảy

vào “cảnh cáo” chính quyền VNCH hãy thỏa mãn yêu sách của Phật giáo. Phản ứng cứng rắn của chính quyền đã làm tan đi những hy vọng hòa giải. Tháng 8.1963, quân đội được lệnh khám xét những chùa chiền, bắt nhiều sư sãi về thanh lọc thành phần cộng sản nằm vùng. Trí Quang ở chùa Ấn Quang nhanh chân chạy trốn được vào cơ quan USAID Mỹ ở Sài Gòn. Dĩ nhiên người Mỹ sốt sắng nhận che chở ngay. Ngày 2.11.1963, ông Ngô Đình Cẩn chạy đến Tòa Lãnh Sự Mỹ tại Huế xin ông Lãnh Sự John Helble cho tị nạn. Helble lạnh lùng từ chối. Ngày 5.11.1963, Cabot Lodge lệnh cho giải giao ông Cẩn về Sài Gòn trao cho Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Hai sự kiện này đã nói lên được chính sách phản trắc của chính quyền Hoa Kỳ. Gần đây nhất, đại sứ Hoa Kỳ tại Hà Nội, ông Marine đã sỗ sàng phát biểu về những vụ tự thiêu của tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo phản đối Việt cộng đàn áp tôn giáo như sau : *“Những người tự thiêu là những người cực đoan. Hành động đó làm cản trở tự do tín ngưỡng của tín đồ”*. Mẹ ơi, 43 năm trước cũng chính người Mỹ ca ngợi *“Tự thiêu là hành động dũng cảm và đạo pháp của các bậc bồ tát”*. Thế là thế nào, cùng một miệng Mỹ mà phun ra tới hai luồng sulfur khác nhau. Nếu cho là lời ông Marine đúng thì hóa ra chế độ vẹm Hà Nội là một chế độ quá thánh thiện mất rồi. Ô hô !

Trong tình hình sư sãi như rắn mất đầu như thế, lẽ ra Trí Quang nên làm một cái gì to tát như hòa thượng Thích Quảng Đức để được vĩnh viễn lưu danh trong Phật sử, thì ông ta đã nhanh chân tẩu thoát trước. Nếu Trí Quang cùng ngồi tọa thiền trong tù với hàng ngàn sư sãi, thậm chí dẫn đầu một cuộc tuyệt thực trong đó, thì tác động “chiến tranh tâm lý” có phải lớn hơn không. Phải chăng đùn đẩy người vô tội chết thay cho mình, sẵn sàng bỏ chạy trước khi nguy biến là bản chất của người cộng sản. Sau 1975, những con bài tôn giáo chiến lược của Hà Nội như Trí Quang, Nhất Hạnh, Minh Châu ... đều đã lộ diện, như là một yếu tố chính trị quan trọng trong mưu kích Phật giáo. Nhưng những biến cố đó vẫn chưa đủ liều lượng làm sụp đổ chế độ. Người Mỹ cần một yếu tố thứ ba : tướng lãnh VNCH. Vì thế ngay trong tháng 8.1963, Henry Cabot Lodge được lệnh khẩn gói sang Việt Nam. Đến đây tấn thảm kịch 1.11.1963 về

cái chết của anh em Tổng Thống Diệm được bắt đầu.

Ngày thứ Sáu 1.11.1963 oan nghiệt trùng với ngày Lễ Các Thánh, tức kế tiếp ngay sau ngày Halloween 31.10.1963. Bầu trời buổi sáng nắng đẹp, đột nhiên lúc giữa trưa đã trở nên u ám, như báo trước một tấn bi kịch mà cho đến tận thời điểm hiện tại khi nhớ lại người ta vẫn còn rùng mình kinh hãi. Không phải vì cuộc đời dẫu bề, mà là ghê tởm cuộc tắm máu hai anh em Tổng Thống Diệm một cách dã man và không cần thiết của những người cầm đầu cuộc đảo chánh mà họ gọi là “cách mạng” và những cái gọi là “đồng minh” Hoa Kỳ. Nếu Tổng Thống Diệm cứng rắn kháng cự đến giây phút cuối cùng, ông có chết giữa vòng lửa đạn thì đó là cái chết phải đến và xứng đáng. Nhưng ông đã quá tin vào lời chấp nhận của Tướng Dương Văn Minh, người được Mỹ hậu thuẫn và là người đứng đầu Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, đồng ý đầu hàng và xin Hội Đồng cho phép ông và ông Nhu được sống lưu vong nước ngoài. Suốt cuộc đời Tổng Thống Diệm, ông chỉ ban bố tấm lòng nhân ái tận tụy cho dân tộc chứ chưa từng nhả tâm lừa gạt đối phương một cách trắng trợn như Tướng Minh.

Đúng 1 giờ ngày 1.11.1963 tiếng súng của quân đảo chánh bắt đầu nổ. Một lực lượng nhiều tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến làm nỗ lực chính khai tử nền Đế Nhứt Cộng Hòa, cùng với những lực lượng hỗ trợ hỏa lực như Thiết Giáp, tăng viện chiến trường như Nhảy Dù, bao vây Sài Gòn như Sư Đoàn 5 Bộ Binh và Sư Đoàn 7 Bộ Binh. Đại Tá Cao Văn Viên, Tư Lệnh Nhảy Dù đã khẳng khái khước từ tham gia đảo chánh, ông suýt bị hạ sát ngay tại Bộ Tổng Tham Mưu, nhưng được Trung Tướng Trần Thiện Khiêm can thiệp cứu thoát và cho người giam lỏng ông. Với lòng trung thành ấy, ông có đủ phẩm chất được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng tin tưởng giao cho ông tiếp tục chỉ huy binh chủng Nhảy Dù sau ngày 1.11.1963. Có lẽ trường hợp Đại Tướng Viên là một sự kiện kỳ lạ và độc nhất trong hàng tướng lãnh, một con người trung thành với Tổng Thống Diệm lạc lõng giữa đám Tướng, Tá phản loạn. Tuy vậy, ngày 28.4.1975, khi Tướng Minh nhận bàn giao chức vụ tổng thống từ Tổng Thống Trần Văn Hương, nhớ lại nỗi oan khuất và cái chết thảm của Tổng Thống Diệm, Đại Tướng Viên đã xin từ

nhiệm, quyết không chịu cúi lòn dưới trướng của Minh.

1 giờ 05 phút. Quân Cọp Biển TQLC đã chiếm được Tổng Nha Cảnh Sát và Đài Phát Thanh Sài Gòn không gặp sức kháng cự đáng kể, Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Đặc Biệt bị tràn ngập. Hôm trước, vị Chỉ Huy là Đại Tá Lê Quang Tung đã bị hạ sát bằng súng lục tại nghĩa trang sau khuôn viên Bộ Tổng Tham Mưu cùng với anh ông là Trung Tá Lê Quang Triệu, vì cả hai thề giữ lòng trung thành với Tổng Thống Diệm. Tư Lệnh Hải Quân, Đại Tá Hồ Tấn Quyền cũng mất mạng. Mất người tư lệnh, các chiến sĩ áo rằn Lực Lượng Đặc Biệt cam chịu tan rã.

4 giờ 30 phút, suốt ba tiếng đồng hồ, tiếng súng giao tranh giữa hai lực lượng trung thành và đảo chánh nổ dòn dã khắp thủ đô. Dân chúng náo động, xôn xao và chờ đợi tin tức từ Đài Phát Thanh Sài Gòn. Người ta nhớ lại ba năm trước, cũng vào thời điểm này, ngày 11.11.1960 Đài Phát Thanh Sài Gòn cũng đã phát thanh lời hiệu triệu của quân đảo chánh, cùng những bài nhạc hùng quân đội. Nếu một bài nhạc hùng phát lên trong lúc này, thì đó là dấu hiệu của một cuộc đảo chánh khác. Quả thật như thế, sau vài phút phát thanh một bản nhạc quân đội, dân chúng thủ đô và hầu hết các tỉnh Miền Tây qua các làn sóng tiếp vận đã được nghe lời hiệu triệu của Trung Tướng Dương Văn Minh như sau : *“Đồng bào thân mến, Kể từ giờ phút này, Quân Đội nhất quyết đứng lên để giải thoát đồng bào ra khỏi ách thống trị độc tài... Ngày mà đồng bào chờ đợi đã đến, toàn thể Quân Đội nhận định, với chế độ hiện hữu, công cuộc chống Cộng và kiến quốc của toàn dân sẽ không có hiệu quả...”*. Tướng Minh còn đọc tiếp, với chủ trương tuyệt đối tránh đổ máu, Hội Đồng Tướng Lính đã chấp nhận cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm từ chức và rời khỏi Việt Nam ngay lập tức, ông loan báo sẽ có lời từ giã của ông Diệm trên đài phát thanh với tư cách một công dân bình thường..

Từ dinh Gia Long, Tổng Thống Diệm gọi cho đại sứ Hoa Kỳ, ông Henry Cabot Lodge, vừa nhậm chức tại Sài Gòn chỉ mới hồi tháng 8.1963. Chân ướt chân ráo sang Sài Gòn, Cabot Lodge đã rủ rê Trung Tướng Minh, lúc này là Cố Vấn Quân Sự Phủ Tổng Thống đang ngồi chơi xơi nước và gãi... rốn, đi đánh tennis, rồi nhỏ to thử

thì những chuyện tày đình. Cũng cùng thời gian đó, Trung Tá CIA Lucien Conein đến gặp Trung Tướng Trần Văn Đôn, Tham Mưu Trưởng quân đội để nghe Đôn xác định kế hoạch đảo chánh đã được soạn thảo và sẵn sàng thi hành. Gần ngày đảo chánh, Conein có xách một cặp táp chứa 40 ngàn mỹ kim, khoảng hơn hai triệu đồng Việt Nam, trao cho ông Đôn, có lẽ để chi dùng chuyện cần thiết. Số tiền này sau ngày 1.11.1963, các tướng phản loạn đã chia nhau mỗi người một ít. Trời ơi, gần hai ngàn năm trước Judas bán Chúa chỉ với 40 mươi đồng bạc, hai ngàn năm sau, các Tướng bán vị nguyên thủ quốc gia VNCH cho ngoại bang chỉ với 40 ngàn mỹ kim. Một con số nhơ nhuốc, mà mỗi khi nhắc lại, hẳn những tướng đảo chánh phải cúi đầu hổ thẹn.

Cuộc nói chuyện với Cabot Lodge đã diễn ra trong một bầu không khí rất lạnh nhạt và đều căng từ phía người Mỹ :

Tổng Thống Diệm : Đang có một cuộc đảo chánh chống lại chính phủ, ông đại sứ có hay biết gì về việc này không và tôi muốn biết thái độ của Hoa Kỳ.

Cabot Lodge : Tôi nghĩ rằng tôi không được thông báo tin tức đầy đủ để có thể trả lời câu hỏi của ngài. Tôi có nghe thấy những tiếng súng nổ, nhưng không rõ thực hư. Và lại bây giờ là 4 giờ rưỡi sáng Hoa Thịnh Đốn, chính quyền Mỹ có lẽ không thể đưa ra được một ý kiến về vấn đề này.

Tổng Thống Diệm : Nhưng chắc chắn ngài cũng có những ý niệm đại khái về vấn đề này. Dù sao, tôi cũng là một vị quốc trưởng, tôi đã cố gắng làm hết bổn phận.

Cabot Lodge : Dĩ nhiên ngài đã làm bổn phận của ngài. Không ai có thể lấy đi cái công của ngài đối với tất cả những gì ngài đã làm. Nhưng bây giờ tôi lo ngại cho sự an toàn của ngài. Tôi được báo cáo rằng những kẻ đảm trách những việc đang xảy ra đề nghị để cho ngài và em ngài bình yên ra ngoại quốc nếu ngài từ chức. Ngài có nghe biết chuyện đó không ?

Tổng Thống Diệm : Không....

Cabot Lodge : Vâng, nếu tôi có thể làm được điều gì cho sự an toàn của bản thân ngài, xin ngài cứ gọi tôi.

Tổng Thống Diệm : Tôi đang tìm cách lập lại trật tự, ngài có s

điện thoại của tôi.

Tổng Thống Diệm cúp máy không muốn nói chuyện thêm nữa. Một con cáo già trong ngành nói láo như Cabot Lodge mà lại quá hèn nhát và ấu trĩ khi ở đầu cuộc đàm thoại chối leo lẻo không biết gì về cuộc đảo chánh, nhưng sau đó ông ta đã “nghe báo cáo” nói về ý định của các Tướng phản loạn sẽ để cho ông Diệm và ông Nhu ra đi. Một sự việc tày trời như thế mà Cabot Lodge nhản nha nói rằng Hoa Thịnh Đốn hãy còn... ngủ. Cứ giả sử lúc ấy, ngay giây phút đó một toán Vệ binh xông vào tòa đại sứ Mỹ, để coi Henry Cabot Lodge có trốn trong... quần và khẩn cấp gọi về Hoa Thịnh Đốn la làng kêu cứu hay không, hay là cứ để cho Kennedy ngủ chán chê đã. Một kẻ sĩ đầy hào khí và lòng tự trọng như Tổng Thống Ngô Đình Diệm đòi nào người chịu hạ mình van xin sự sống từ bọn người ngoại chủng bất nhân, bất nghĩa và bất trí ấy. *Anh Hùng Tử Khố Hùng Bất Tử*. Qua những giây phút đàm thoại ngắn ngủi với Cabot Lodge, Tổng Thống Diệm biết chắc người Mỹ đã nhúng tay vào âm mưu ghê tởm này. Chúng có thể giết được cái xác trần của người chứ làm sao chúng xóa đi được thanh danh, cái phần linh hồn tinh túy của một người lãnh đạo chân chính Việt Nam. *Tôi tiến hãy theo tôi, tôi lùi hãy bắt tôi, tôi chết hãy trả thù cho tôi*. Người đòi sau càng phi nhử Kennedy và Cabot Lodge bao nhiêu, càng trân trọng tôn vinh Tổng Thống Diệm bấy nhiêu.

Trong thời gian đó, Đài Phát Thanh Sài Gòn chính thức loan báo thành phần tướng lãnh và sĩ quan tham dự cuộc binh biến : Các Trung Tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Nguyễn Ngọc Lễ, Trần Văn Minh; các Thiếu Tướng Lê Văn Nghiêm, Mai Hữu Xuân, Trần Tử Oai, Lê Văn Kim, Phạm Xuân Chiểu, Tôn Thất Đính, Nguyễn Văn Là, Trần Thiện Khiêm, Trần Ngọc Tám và Nguyễn Giác Ngộ; các Đại Tá Đỗ Mậu, Nguyễn Khương, Dương Ngọc Lâm, Nguyễn Văn Thiệu; các Trung Tá Lê Nguyên Khang, Không Văn Tuyên, Đỗ Ngọc Nhận và Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Thiệt.

7 giờ 30 phút tối. Tướng Minh gọi điện thoại vào Dinh Gia Long xin nói chuyện với Tổng Thống Diệm, nhưng ông Diệm từ chối. Minh càng tức uất, sát khí đã bốc ngùn ngụt trong đầu ông ta.

8 giờ tối. Ông Cao Xuân Vỹ, một nhân vật lãnh đạo cao cấp của

Đoàn Thanh Niên Cộng Hòa, đã tìm đâu ra được một chiếc xe màu đen cũ, có lẽ là chiếc Traction, chạy vào sau khuôn viên Dinh Gia Long rước Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu vượt qua được vòng vây quân đảo chánh. Hai anh em ông Diệm đã theo một đường hầm bí mật thoát ra ngoài. Chiếc xe cũ mềm không ai buồn để ý đến hóa ra lại vô cùng đắc dụng. Ông Võ chở Tổng Thống Diệm chạy vào Chợ Lớn trú ngụ trong nhà thương gia Mã Tuyên, một người Tàu có nhiều mối giao hảo tốt với gia đình ông Diệm. Được tin Tổng Thống Diệm đã tìm được chỗ ẩn lánh an toàn, các chiến sĩ thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống tổ chức vị trí kháng cự ở Dinh Gia Long và Thành Cộng Hòa, thề tử thủ và trung thành với chế độ đến cùng. Quân đảo chánh gặp rắc rối to, các tướng lãnh chủ chốt như Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim và Tôn Thất Đính sợ xam cả mặt.

Tuy là trong một tình trạng căng thẳng ghê gớm như thế, những chiến sĩ đôi bên chỉ chia súng lên trời nổ lóc bóc ầm ỉ nghe cũng kinh khủng, xe tăng bao vây coi bộ hầm hừ dữ lắm, thiết giáp bên trong vòng rào dinh tổng thống cũng chia ra nghênh chiến. Tình thật thì chẳng người lính nào nỡ hạ súng xuống bắn vào những người cùng chung màu áo treillis. Cho nên khi cuộc đảo chánh thành công, con số thiệt hại nhân mạng thật ít ỏi, ngoại trừ một vài trường hợp rủi ro. Đến giờ phút này Tổng Thống Diệm vẫn còn hy vọng vào lực lượng cứu nguy từ Quân Khu II Cao Nguyên, ông đã liên lạc được với Trung Tướng Nguyễn Khánh kêu gọi ông đem quân về giải vây. Tướng Khánh lừng khừng trả lời, rằng ông muốn lắm nhưng đã trễ mà đường về thì xa diệu vợi. Thật tình thì Tướng Khánh đánh hơi thấy gió đã đổi chiều, nên 4 giờ sáng ngày 2.11.1963 ông đã đánh điện về Sài Gòn ủng hộ quân đảo chánh.

Vẫn không có báo cáo lạc quan nào từ phía Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù và Thiết Giáp, các tướng đảo chánh lệnh cho Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh tiến lên làm nỗ lực chánh tấn công Dinh Gia Long. Ngay từ đầu cuộc động binh, Đại Tá Thiệu thừa khôn ngoan, ông chùng chình án binh bất động, không muốn tay vấy vào chàm, từ tận thâm tâm ông còn nhớ rằng

mình vẫn là một đảng viên Đảng Cần Lao của chính quyền (Nền Đệ Nhứt Cộng Hòa có hai lực lượng chính trị chánh phụ thuộc vào chính quyền là Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và Đảng Cần Lao. Đảng Cần Lao là sáng kiến tư duy của ông Ngô Đình Nhu, được xem như một cái đối trọng của Đảng Lao Động của cộng sản Hà Nội). Nhận lệnh, Đại Tá Thiệu điều động quân bộ binh “đánh” vào chiến lũy của Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống. Vẫn chẳng ăn cái giải gì, vì đôi bên làm sao nở lòng bắn nhau. Súng vẫn nổ rền trời suốt đêm.

0 giờ 10 phút. Bộ Chỉ Huy của quân đảo chánh đặt tại đường Phạm Ngũ Lão, sau bến xe buýt Sài Gòn, quyết định tổ chức một cuộc hành quân liên binh đại qui mô. Nhiều chiến xa và thiết vận xa từ mạn Chợ Lớn theo đường Trần Hưng Đạo âm âm tiến ra Sài Gòn. Các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến được điều động dọc theo hai bên đường chạy theo chiến xa. Khi đến Công Trường Diên Hồng, tất cả đều dừng lại để chiến xa và M 113 chuẩn bị đội hình tấn công.

4 giờ sáng. Chiến xa và các đơn vị bộ binh tiến về hướng Dinh Gia Long theo những ngã Pasteur, Công Lý và Lê Thánh Tôn. Máy phóng thanh của quân đảo chánh không ngớt kêu gọi Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống đầu hàng.

5 giờ sáng ngày 2.11.1963.. Buổi sáng sớm, sau khi đã cùng ông Nhu sang Nhà Thờ Cha Tam cầu nguyện lần cuối cùng, Tổng Thống Diệm quyết định bỏ cuộc. Ông cảm thấy cô đơn và mệt mỏi lắm rồi. Điều mà người còn có thể làm được là gọi điện lệnh cho Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống buông súng để tránh thương vong cho các chiến sĩ trung thành của ông. Tổng Thống Diệm gọi điện thoại cho Tướng Minh loan báo ý định đầu hàng, với điều kiện cùng ông Nhu được ra ngoại quốc. Tướng Minh chấp nhận ngay, không phải vì lòng từ tâm, mà là muốn bắt được Tổng Thống Diệm càng sớm càng tốt, khỏi lo hậu họa về sau. Khi hai anh em ông Diệm đã nằm trong tay Tướng Minh rồi thì... cuộc báo oán trả hận sẽ dễ dàng biết bao nhiêu.

6 giờ 30 sáng. Tướng Minh chỉ định Tướng Mai Hữu Xuân, Đại Tá Dương Ngọc Lâm, Đại Tá Nguyễn Văn Quang, Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa, Đại Úy Nguyễn Văn Nhung lên 2 chiếc xe Jeep và một

chiếc thiết vận xa M113 đi đón anh em Tổng Thống Diệm. Sự có mặt của Xuân đường như là để giám sát, bảo đảm công tác mật được hoàn thành. Tướng Đôn chuẩn bị một căn phòng tươm tất để anh em Tổng Thống Diệm tạm nơi nghỉ. Đến Nhà Thờ Cha Tam Đại Úy Nhung thô bạo chia súng vào Tổng Thống Diệm và ông Nhu buộc lên xe thiết giáp. Ông Nhu phản đối, đòi Nhung phải lễ độ với vị nguyên thủ, Nhung sùng sộ đâm ông Nhu một cái vào mặt, xô hai anh em ông vào lòng xe, rồi dùng dây thô bạo trói quặt tay hai người ra phía sau lưng.

Trong khoảng 8 giờ – 9 giờ sáng. Đoàn xe áp tải anh em Tổng Thống Diệm chạy đến gần đường rầy xe lửa, khoảng đường Phan Thanh Giản – Ngã Bảy Lê Văn Duyệt. Lợi dụng có một đoàn xe lửa đang âm ỉ chạy cắt ngang, Nhung bất ngờ móc súng bắn lên Tổng Thống Diệm và ông Nhu từ phía sau, súng kê vào màng tang phía Tổng Thống Diệm và sau ột ông Nhu. Hai cái xác oan khuất ngã nằm dài sòng soãi trên nền chiếc xe thiết giáp, một giòng máu đỏ tuôn ướt đầm đầy mặt Tổng Thống Diệm. Vẫn chưa thỏa mãn cơn cuồng sát, Nhung rút lưỡi lê đâm thêm trên lưng ông Nhu nhiều nhát nữa. Khi đoàn xe chạy vào Bộ Tổng Tham Mưu, nơi đặt ban doanh của bộ chỉ huy đảo chánh, Đại Úy Nhung bước ra đứng nghiêm chào Tướng Minh đang nôn nóng đứng chờ : "*Mission accomplie*" (*sứ mạng hoàn thành*). Những nhân vật liên can đến cuộc áp tải và hạ sát Tổng Thống Diệm và ông Nhu đều được thăng một cấp. Tuy rằng với công trạng giết chúa ấy, Đại Úy Nhung được vinh thăng Thiếu Tá, nhưng chưa đủ thời gian để tiêu hóa cuộc vinh quang, thì Nhung đã bị chính quyền Quốc Trưởng Nguyễn Khánh bắt nhốt vào quân lao trong Bộ Tổng Tham Mưu, sau tháng 1.1964 khi ông Khánh đã làm "cách mạng" lật đổ ông Minh rồi cho ông ta đi Thái Lan. Tự biết tội nghiệt đã nhiều và hãi sợ lưỡi gươm công lý, Nhung cời giày giày tự thắt cổ chết.

10 giờ 45 phút. Trung Tướng Minh ra lệnh cho Đài Phát Thanh đọc một bản tin ngắn, loan báo anh em Tổng Thống Diệm đã tự tử. Chỉ một khoảnh khắc ngắn sau, Tổng Thống Hoa Kỳ Kennedy ở Hoa Thịnh Đốn đã nhận được tin cái chết thảm thương của Tổng Thống Diệm. Mặt trắng bệch như một cái xác chết, Kennedy lặng lẽ đi vào

văn phòng riêng đóng cửa, tự ngăn cách với thế giới bên ngoài. Phó Tổng Thống Lyndon Johnson, một người có rất nhiều cảm tình với nền Đệ Nhất Cộng Hòa và Tổng Thống Diệm, sau này đã kêu lên khi hỏi tường lại giây phút ghê tởm đó : “*Chúng ta đã nhúng tay vào vụ giết ông Diệm* ”. Có phải chăng hung bạo và tàn nhẫn với bạn đồng minh, hèn nhát khiếm nhục trước “kẻ thù” là bản chất của những người làm chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Câu trả lời này ngày nay đã được giải đáp thật rõ ràng, chúng ta không cần phải dấn giải thêm nữa.

Đề điều hành guồng máy quốc gia trong thời gian chuyển tiếp thành phần Ủy Ban Chấp Hành Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng được công bố như sau và được Tướng Minh ký hiệu lực ngày 5.11.1963 :

Chủ Tịch : Trung Tướng Dương Văn Minh.

Đệ Nhứt Phó Chủ Tịch : Trung Tướng Trần Văn Đôn.

Đệ Nhị Phó Chủ Tịch : Trung Tướng Tôn Thất Đính.

Ủy Viên Kinh Tế : Trung Tướng Trần Văn Minh.

Ủy Viên An Ninh : Trung Tướng Phạm Xuân Chiểu.

Ủy Viên Quân Sự : Trung Tướng Trần Thiện Khiêm.

Ủy Viên Chánh Trị : Thiếu Tướng Đỗ Mậu.

Tổng Thư Ký kiêm Ủy Viên Ngoại Giao : Trung Tướng Lê Văn Kim.

Ủy viên : Trung Tướng Mai Hữu Xuân.

Ủy viên : Trung Tướng Lê Văn Nghiêm.

Ủy viên : Thiếu Tướng Nguyễn Văn Thiệu.

Ủy viên : Thiếu Tướng Nguyễn Hữu Cồ.

Song song với Ủy Ban Chấp Hành Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ được chỉ định giữ chức Thủ Tướng của thành phần Chánh Phủ Lâm Thời kiêm Tổng Trưởng Kinh Tế và Tổng Trưởng Tài Chánh, hiệu lực từ ngày 4.11.1963.

Nói một cách thật công bằng, thì ông Nolting đại sứ tiền nhiệm đương kim ngoại trưởng Dean Rusk, các thượng nghị sĩ Hubert Humphrey, Mansfield, Fulbright, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara, nhiều yếu nhân trong các ngành lập pháp, hành pháp, tu

pháp, tôn giáo và quân đội Hoa Kỳ dành rất nhiều thiện cảm đến cá nhân Tổng Thống Diệm, cùng những thành tích quân sự, kinh tế chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã kiến tạo được. Dù là một nước đang trong tình trạng chiến tranh, mà VNCH vẫn vươn lên được hàng cường quốc trong vùng Đông Nam Á. Nhưng những thành quả đó, những ý chí chống cộng của Tổng Thống Diệm và quân dân VNCH không nằm song hành với cái gọi là “quyền lợi của người Mỹ”. Tổng Thống Ngô Đình Diệm muốn thiết lập một đất nước dân chủ, độc lập và cộng hòa, theo đuổi lý tưởng tự do, bảo vệ chủ quyền dân tộc, kiến tạo một quốc gia thịnh vượng sánh vai với các cường quốc năm châu. Người Mỹ không đủ kiên nhẫn để nghĩ quá xa và quá nhiều khô như thế, họ chỉ muốn ngăn chặn ảnh hưởng cộng sản từ Hoa Lục tràn xuống khu vực Đông Nam Á và Nam Thái Bình Dương, củng cố vị thế của Mỹ ở Á châu, lấy VNCH làm bức tường thành mà được chất chồng bằng xương và máu của người Miền Nam.

Tổng Thống Diệm tỏ rõ chủ quyền quốc gia khi ông rất cứng rắn khước từ yêu cầu của Kennedy cho đổ quân Mỹ vào Việt Nam. Tổng Thống Diệm cho rằng người quốc gia đủ sức đương đầu và chiến thắng Hà Nội nếu nhận được viện trợ vũ khí và tài chánh đầy đủ từ Hoa Kỳ. Tổng Thống Diệm chỉ cho phép sự hiện diện của Quân Đội Mỹ, nếu chính quyền Hoa Kỳ chính thức ký một hiệp ước an ninh hỗ tương với Việt Nam Cộng Hòa, điều mà người Mỹ đã làm với Nam Hàn và Đài Loan. Nếu không, sự hiện diện bất hợp pháp của quân Mỹ ở Miền Nam hóa ra là một cuộc xâm lăng và phi nghĩa, là cái cớ để cộng sản cao rao sứ mạng “chống Mỹ xâm lược”. Tiên kiến của Tổng Thống Diệm đã được chứng minh chỉ hai năm sau, năm 1965, quân Mỹ đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng. Khi đã đạt được những thỏa thuận với Hoa Lục Trung Cộng rồi, chính quyền Mỹ trở mặt ngay với đồng minh và nhổ ngay nước bọt lên bia mộ của 58 ngàn tử sĩ cùng 300 ngàn thương binh Quân Lực Hoa Kỳ hy sinh hay thương tật tại Việt Nam.

Đề bào chữa cho tội ác của mình, người Mỹ đã thực hiện một cuộc tuyên truyền rộng lớn mà ảnh hưởng sâu đậm của nó vẫn còn kéo dài đến tận ngày nay, với sự tham dự hùng hậu của nhiều giới trí

thức, học giả, sử gia, truyền thông, báo chí cùng viết sách, viết báo, làm phim tài liệu giả tạo đổ vấy tất cả mọi tội lỗi không có thật lên chính quyền Đệ Nhất VNCH, cá nhân Tổng Thống Diệm và anh em ông. Đến nay đã có hàng chục ngàn cuốn sách vu khống, bôi nhọ cả hai nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Chỉ nói về nền Đệ I Cộng Hòa thôi, thì xin những thành phần nói trên trả lời với công luận thế giới tại sao Tổng Thống Kennedy có thể bổ nhiệm ông Robert Kennedy làm Bộ Trưởng Tư Pháp, mà Tổng Thống Diệm lại không thể bổ nhiệm ông Ngô Đình Nhu làm Cố Vấn Chính Trị.

Bốn mươi ba năm hồi tưởng lại một giai đoạn đen tối của lịch sử với cái chết bi thảm của Tổng Thống Diệm, để nhận ra rằng một con người mà đã dâng hiến trọn cuộc đời cho dân tộc và đất nước ấy, dù có bao nhiêu cuốn sách hay bài viết vu khống, bôi nhọ, nhưng hình ảnh một lãnh tụ kiệt xuất nhất của Việt Nam trong nửa sau thế kỷ 20 là Tổng Thống Diệm vẫn luôn là ánh sao chói chang trong lòng người hậu thế và trong lịch sử. Dĩ nhiên Tổng Thống Diệm đâu phải là một ông thánh, để không có những lỗi lầm đáng tiếc, nhưng ông chưa bao giờ có những hành động làm dân tộc ông hổ thẹn. Trái lại, Tổng Thống Diệm đã để lại trong lòng thế hệ sau tấm gương bất khuất của một sĩ phu : Uy Vũ Bất Năng Khuất. Dân tộc Việt Nam luôn ngẩng cao đầu hãnh diện có một vị lãnh đạo không bao giờ chịu cúi đầu khuất phục trước ngoại bang, dù đó là người Pháp, người Tàu hay người Mỹ. Chúng ta và các thế hệ Việt Nam sau nên ghi khắc trong tim niềm kiêu hãnh này : Trong sử sách Đông, Tây và của cả cộng sản, chưa từng có sử gia nào dám gọi Tổng Thống Ngô Đình Diệm là bù nhìn của Pháp hay Mỹ. Sĩ khí của một nhà nho dân tộc trong con người ông trước những con phong ba bão tố như là một cây thông vươn cao ngạo nghễ. Thông chỉ có thể bị tróc gốc, chứ không thể bị bẻ gãy. Tổng Thống Diệm tin tưởng Thiên Mệnh đã chọn ông, đã trao cho ông trọng trách lèo lái con thuyền quốc gia. Người muốn thiết lập một chính thể và một chính quyền theo mô thức Vương Đạo mà người đã được thấm nhuần trong kinh sử Nho giáo từ thời niên thiếu. Chỉ tiếc rằng người là một nhà nho cô đơn ở giữa một thời thế nhiễu nhương, cả bạn lẫn thù đều kính sợ nhưng căm ghét ông, vì họ không thể so

sánh được với ông. Một nhà biên khảo Hoa Kỳ đã kính trọng gọi Tổng Thống Diệm là *The Last Confucian : Kẽ Sĩ Cuối Cùng* trong thời đại của chúng ta.

Để trả lời những người đã viết sách, viết báo bôi nhọ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, hãy cứ nhìn hàng đoàn người Việt về nước mỗi năm vào dịp 1.11, đã đến hai năm mộ nhỏ khiêm tốn, một tấm bia mang cái tên Huynh, tức Tổng Thống Diệm, và Đệ, tức ông Ngô Đình Nhu, lũ lượt vào lễ bái khói hương, trước những cặp mắt khó chịu và sự bất lực của chính quyền cộng sản ở Hóc Môn. Đó là câu trả lời rõ ràng nhất, rằng sự thật đã đứng về phía nào. Hàng năm, ở hải ngoại, vào ngày 2.11, nhiều đoàn thể bao gồm mọi thành phần, khuynh hướng chính trị hay tôn giáo, vẫn đều đặn trang trọng tổ chức những buổi lễ Chiêu Hồn và Truy Diệu Tổng Thống Diệm, để tri ân những gì người đã tận tụy hiến dâng cho đất nước và dân tộc của người.

Thời gian đã trả xong mối thù cho Tổng Thống Diệm, một mối hận không phải được vun tưới bằng bạo lực hay bằng máu, mà chỉ đơn thuần được bón bằng sự thật. Sự thật cao hơn tất cả mọi sự hận thù. Giờ đây, chắc ngài, Tổng Thống Ngô Đình Diệm mà từ lâu trên Cõi Vĩnh Cửu luôn thanh thản nhìn xuống trần gian với tấm lòng bao dung thường hằng, đã tha thứ cho hết thầy con người cùng góp tay đưa đến cái chết của ngài, hay bôi nhọ ngài, vì họ không biết việc họ làm. Chỉ xin ngài hiển hiện ban cho người Việt Nam một phép màu nhiệm, bởi ngài vẫn chưa hoàn thành công việc mà ngài tâm nguyện lúc còn sống. Là xin hãy đem ánh sáng, bình an, công bằng, tự do và no ấm đến cho 84 triệu người đồng bào đau khổ của ngài vẫn còn oằn oại trong địa ngục cộng sản.

Phạm Phong Dinh